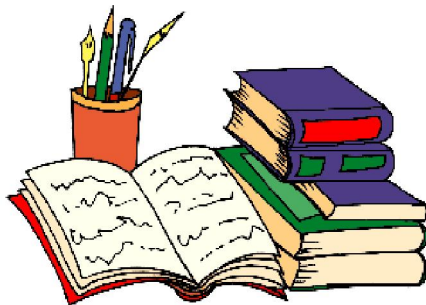


Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Đề tài

Mô hình kinh tế lượng dự báo thu từ dầu thô



SVTH: Đỗ Văn Lâm

Lớp Toán kinh tế khóa 43

LỜI MỞ ĐẦU

Dầu khí là nguồn tài nguyên quan trọng bậc nhất của những nước có tài nguyên dầu khí. Nó góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế cũng như nâng cao thu nhập quốc dân cho đất nước.

Hiện tại mức tiêu thụ dầu mỏ thế giới (84,3 triệu thùng/ ngày) vẫn còn thấp so với khả năng sản xuất tối đa có thể (vào khoảng 87 triệu thùng/ ngày). Nhưng hai nhà kinh tế của Ixis-CIB cho rằng dựa vào diễn biến tiêu thụ dầu hiện nay trên thế giới thì đến năm 2015 con người sẽ tiêu thụ 108 triệu thùng dầu/ ngày và khi đó mức tiêu thụ cao hơn mức cung (dự báo vào khoảng 100 triệu thùng/ ngày) đến 8%.

Những yếu tố đưa đến phỏng đoán đó:

- khả năng sản xuất không tăng cao do không tìm thêm được nhiều giếng dầu mới;
- mức tăng về tiêu thụ dầu mỏ nhanh hơn mức tăng GDP của thế giới do nhu cầu quá lớn từ Trung Quốc;
- sức phát triển của các loại năng lượng thay thế (năng lượng hạt nhân, hydro...) còn chậm

Đối với nước ta: Theo thống kê, nếu so với thế giới thì sản lượng dầu khí của VN chiếm khoảng 0,3%. Còn so với các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương thì VN đứng thứ 6/15 quốc gia về sản lượng, đạt khoảng 350.000 thùng/ngày. Về sản lượng tính theo đầu người, VN đạt 4,5 thùng/ngày, đứng thứ 7/15 quốc gia. Trong công tác thăm dò, hiện nay VN đã xác định được 8 bể trầm tích có khả năng chứa dầu với tổng diện tích gần 1 triệu km², có tổng trữ lượng dự báo khoảng 4 tỉ tấn dầu tương đương (bao gồm cả khí thiên nhiên). Trữ lượng dự báo là như vậy nhưng thực tế, trữ lượng xác minh của ta chỉ khoảng 1 tỉ tấn dầu quy đổi.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Theo các chuyên gia, trong bối cảnh nước ta chưa có nền công nghiệp lọc dầu, những năm tới chỉ nên khai thác ở mức sản lượng 20 triệu tấn/năm. Nếu khai thác tràn lan, sản lượng dầu khí sẽ cạn kiệt mà lượng ngoại tệ thu về không lớn.

Nhận thức được tiềm năng, vai trò cũng như khó khăn, thuận lợi nước ta về ngành công nghiệp dầu khí. Em xin chọn đề tài “**Mô hình kinh tế lượng dự báo thu từ dầu thô**“ cho chuyên đề thực tập tốt nghiệp của mình. Mong muốn được góp một phần nhỏ vào quá trình đi lên của ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng do thời gian còn có hạn và kinh nghiệm thực tế không có nhiều, nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế nhất định. Em rất mong được sự góp ý của các thầy cô cùng các bác các chú, các anh, các chị ở phòng Chính sách thuế 3 thuộc Vụ Chính sách thuế – Bộ Tài Chính.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô cùng các bác, các chú, các anh, chị ở phòng Chính sách thuế 3 - Vụ Chính sách thuế – Bộ Tài Chính. Đặc biệt là thầy Cao Xuân Hoà, cô Hoàng Bích Phương là giáo viên hướng dẫn và chú Nguyễn Ngọc Tuyển cán bộ hướng dẫn thực tập đã tận tình giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình thực hiện đề tài này.

Phần I: Tổng quan về ngành dầu khí Việt Nam

1. Đặc điểm của ngành dầu khí

1.1. Khái niệm

Dầu khí là hydrocarbon ở thể lỏng trong trạng thái khí tự nhiên, asphalt, ozokerite và hydrocarbon lỏng thu được từ khí thiên nhiên bằng phương pháp ngưng tụ hoặc chiết xuất.

Dầu khí gồm dầu thô, khí thiên nhiên và hydrocarbon ở thể khí, lỏng, rắn hoặc nửa rắn trong trạng thái khí thiên nhiên, kể cả sulphur và các chất tương tự khác kèm theo hydrocarbon nhưng không kể than, đá phiến sét, bitum hoặc các khoáng sản có thể chiết xuất được dầu.

Khí thiên nhiên là hydrocarbon ở thể khí khai thác từ giếng khoan, bao gồm cả khí Òm, khí khô, khí dầu giếng khoan và khí còn lại sau khi chiết xuất hydrocarbon lỏng từ khí Òm.

2. Đặc điểm

2.1 Dầu khí, nguồn tài nguyên không thể tái tạo

Trên thế giới, tài nguyên dầu khí được phát hiện từ lâu nhưng mới bắt đầu khai thác mang tính công nghiệp từ nửa cuối thế kỷ 19. Đây là nguồn tài nguyên không có khả năng tái tạo. Dầu khí được tạo ra nhờ các quá trình biến đổi địa chất liên quan đến sự hình thành, chuyển hoá và tích tụ các vật chất hữu cơ (hydrocarbon) và trong một khoảng thời gian rất dài, từ 1 triệu đến 100 triệu năm.

Do cấu tạo địa chất cũng như khí hậu của từng vùng mà các mỏ dầu khí phân bố không đều giữa các vùng trên trái đất. Những mỏ dầu lớn nhất thế giới tập trung chủ yếu ở các nước Trung Đông, Vênêzuêla, Nga, Mỹ. Việt Nam cũng may mắn được thiên nhiên ưu đãi, có những mỏ dầu khí ở thềm lục địa. Nguồn tài nguyên quý giá này đã đóng góp rất nhiều cho quá trình phát triển kinh tế đất nước bởi giá trị kinh tế cao và những thuộc tính vượt trội so với các nguồn năng lượng khác. Dầu mỏ được chế biến thành các đang nhiên liệu khác như xăng dầu, đã được sử dụng trong sản xuất và đời

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

sống. Các sản phẩm dầu mỏ con là nhiên liệu cho các ngành công nghiệp hoá chất và ngành công nghiệp hàng tiêu dùng. Khí thiên nhiên ngày càng được sử dụng rộng rãi như một loại năng lượng sạch có khả năng thay thế các loại chất đốt như than, dầu hoả.

Trữ lượng dầu khí trên thế giới có hạn, bị cạn kiệt theo quá trình khai thác. Theo tính toán dự báo, với nhịp độ đầu tư khai thác như hiện nay, trữ lượng của những quốc gia đã tìm thấy dầu, tính đến cuối thế kỷ 20 sẽ chỉ còn đủ khai thác trong vòng 50 năm tới. Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay đang là nước xuất khẩu dầu thô như Indonexia, Malaysia sẽ trở thành những nước nhập khẩu vào năm 2010.

Theo đánh giá của ngân hàng thế giới (WB), trữ lượng dầu khí của Việt Nam có khả năng khai thác là một tỷ tấn, đứng thứ tư trong khu vực Đông Nam Á. Các nhà khoa học dự đoán rằng: sản lượng dầu thô khai thác sẽ không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm xăng dầu trong nước sau năm 2020 và Việt Nam sẽ phải nhập khẩu dầu thô. Do vậy, việc lập kế hoạch khai thác dầu khí và sử dụng hợp lý dầu khí là rất cần thiết để bảo đảm cho sự phát triển kinh tế của đất nước bền vững lâu dài.

2.2 Hoạt động dầu khí mang đầy tính rủi ro, mạo hiểm nhưng thu được lợi nhuận cao.

Trong lĩnh vực tìm kiếm, thăm dò dầu khí, độ rủi ro cao trước hết phụ thuộc vào điều kiện địa chất. Xác suất thành công trung bình trong tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí trên thế giới hiện nay rất thấp, chỉ khoảng 10%. Ở Việt Nam, xác suất này còn thấp hơn nhiều. Từ năm 1988 tới hết năm 1999, với 153 giếng khoan tìm kiếm thăm dò trên khắp thềm lục địa với chi phí hơn 3 tỷ USD ta mới phát hiện được 5 mỏ có tính thương mại cao là Rồng, Đại Hùng, Hồng Ngọc, Rạng Đông, Lan Tây – Lan đỏ. Tuy nhiên, khi đã phát hiện ra mỏ dầu khí thì sẽ thu được siêu lợi nhuận. Chi phí cho một thùng dầu thô chỉ bằng 1/3 giá bán. Đặc biệt, ở khu vực Trung Đông, chi phí sản xuất ra một thùng dầu chỉ khoảng 1 USD nhưng giá bán ra một thùng dầu có thể đạt tới 20-30 USD.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Không chỉ những rủi ro về địa chất ảnh hưởng đến xác suất phát hiện mỏ mà rủi ro về kỹ thuật trong khi khoan, khai thác, vận chuyển cũng gây ra chi phí rất lớn. Việc xây dựng, vận hành các bể áp dầu khí luôn đi đôi với nguy cơ cháy nổ làm tổn hại đến người và của, gây ô nhiễm môi trường sinh thái do các sự cố như tràn dầu thường xảy ra ở vùng khai thác hay trong khâu vận chuyển ... Các chi phí cho những rủi ro này khó lường trước được. Chính vì độ rủi ro cao như vậy, cá nhà đầu tư trở nên mạo hiểm khi bỏ vốn đầu tư cho lĩnh vực này. Xong việc thu lợi nhuận cao của các nhà đầu tư cũng có đóng góp rất lớn vào thu nhập GDP cho đất nước.

2.3. Dầu khí, ngành công nghiệp có nhu cầu vốn đầu tư rất lớn.

Đặc trưng nổi bật của ngành công nghiệp dầu khí, khác biệt so với các ngành công nghiệp khác là quy mô vốn đầu tư rất lớn. Mỗi lĩnh vực hoạt động của ngành dầu khí lại đòi hỏi lượng vốn đầu tư phù hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Trong lĩnh vực đầu tư tìm kiếm, thăm dò, mỗi công ty dầu khí nước ngoài cam kết chi tối thiểu trên phạm vi 1-2 lô diện tích hợp đồng lên đến 40-50 triệu USD trong thời gian từ 3-5 năm. Các chi phí thực hiện trong khâu này rất lớn, một giếng thăm dò từ 7-10 triệu USD. Ở Việt Nam, đã có lúc chi phí cho một giếng khoan lên tới 40 triệu USD.

Như vậy, với xác suất khoảng 10% để tìm thấy một trữ lượng dầu khí thương mại, ta phải chi hàng trăm triệu USD. Để gia tăng 1 triệu tấn dầu trữ lượng xác minh ta cần đầu tư khoảng 5 triệu USD. Để có sản lượng khai thác 20 triệu tấn qàu quy đổi hàng năm thì mỗi năm phải đầu tư khoảng 150 triệu USD cho tìm kiếm thăm dò, phát triển những mỏ mới.

Tuy nhiên, đó chỉ là những đầu tư ban đầu, chi phí ban đầu. Nếu có phát hiện thương mại thì giai đoạn khai thác tiếp theo sẽ kéo dài Ít nhất 20 năm với số vốn đầu tư còn lớn hơn nữa. Chi phí phát triển cho một mỏ để đưa vào khai thác cực kỳ tốn kém., đòi hỏi cường độ đầu tư nhiều trăm triệu USD trong khoảng thời gian từ 3-5 năm. Ta có thể thông kê sơ qua như sau: phát hiện mỏ Bạch Hổ trong 5 năm đã cần tới 1,5 tỷ USD. Đề án phát triển mỏ khí Lan Tây- Lan Đỏ trong 3 năm để đưa vào hoạt động khai thác cũng

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

cần 1,5 tỷ USD. Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsopetro cũng cần phải chi phí 200 -250 triệu USD hàng năm để đảm bảo sản lượng khai thác 15 triệu tấn dầu/năm như hiện nay.

Vận chuyển dầu khí vào bờ cũng đòi hỏi một lượng vốn đầu tư lớn vì hầu hết mỏ nằm rất xa bờ. Quá trình vận chuyển dầu khí vào bờ phải sử dụng hệ thống chuyên dụng, phương tiện kỹ thuật hiện đại như giàn nén trung tâm cỡ lớn trên 100 triệu USD. Để xây dựng công trình đường ống dẫn khí từ mỏ vào đất liền cần lượng vốn đầu tư trung bình 1 triệu USD/km đường ống. Chế biến dầu khí không những cần một lượng vốn đầu tư ban đầu rất lớn bằng ngoại tệ mà thời gian thu hồi vốn rất dài.

Tuy nhiên, với những đầu tư lớn như vậy thì cũng mang lại thu nhập rất lớn tương xứng với sự đầu tư đã bỏ ra của chủ đầu tư cũng như mang lại một nguồn thu ngân sách lớn cho nhà nước. Từ năm 1991 đến 2003, ngành công nghiệp dầu khí không ngừng phát triển và lớn mạnh. Năm 1992-1993, GDP trong ngành công nghiệp dầu khí chỉ khoảng 5000 tỷ đồng, nhưng đến năm 2003 đã tăng lên tới 38000 tỷ đồng. Tuy công nghiệp dầu khí còn chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng GDP (năm 1992 khoảng 4% và năm 2003 mới tăng lên trên 6%), nhưng nếu xem xét trên khía cạnh đóng góp vào thu ngân sách nhà nước thì có thể nói đây là ngành có số thu lớn nhất trong tất cả các ngành kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

2.4 Dầu khí, ngành công nghiệp công nghệ cao

Tại Việt Nam, các mỏ dầu thường nằm ở dưới độ sâu hàng nghìn mét trong lòng đất. Ngoài thêm lục địa thì còn phải tính thêm độ sâu nước biển từ hàng chục đến hàng trăm mét. Vì vậy, con người không thể tiếp cận trực tiếp với các mỏ dầu trong lòng đất sâu như thế được. Sự hiểu biết của con người về địa chất, về cấu tạo của mỏ dầu khí, về sự chuyển dịch của các lưu thể lỏng: dầu, khí, nước, ... trong mỏ đều phải qua suy đoán, tính toán nhờ vào các phương tiện kỹ thuật máy móc, các phương tiện hiện đại để thăm dò, tìm hiểu. Do đó, lĩnh vực tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí luôn gặp nhiều khó khăn và phải áp dụng những tiến bộ mới nhất về khoa học kỹ thuật.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Do điều kiện làm việc đặc thù ngoài biển khơi, mỗi dàn khoan hoạt động tới gần 30 dịch vụ khác nhau. Từ hệ thống định vị vệ tinh, địa chất, công trình biển, dự báo thời tiết, thông tin liên lạc, tàu biển, các thiết bị phân tích mẫu thử, ... tất cả đều là những tiến bộ công nghệ, khoa học mới nhất được áp dụng nhằm giảm thiểu các chi phí và rủi ro trong thăm dò tìm kiếm dầu khí.

2.5 Dầu khí, ngành công nghiệp mang tính quốc tế cao

Vốn đầu tư lớn, độ rủi ro cao, lợi nhuận cao, đòi hỏi áp dụng khoa học công nghệ hiện đại là lý do khiến các công ty dầu khí đa quốc gia mở rộng hoạt động ra khắp năm châu để giảm thiểu bất trắc. Yếu tố khách quan đáng lưu ý là hầu hết các nước có tài nguyên thiên nhiên dầu khí phong phú như Trung Đông, Châu Phi, Mỹ Latinh,... lại là những nước nghèo, không đủ sức chịu đựng rủi ro khi tìm kiếm khai thác dầu khí. Điều đó tất yếu dẫn đến sự tham gia của các công ty dầu khí ở các nước phát triển.

Hiện nay, trên thế giới không một nước nào kể cả Mỹ – cường quốc lớn nhất về dầu khí có thể sản xuất tất cả các loại máy móc, thiết bị cho sản xuất của ngành. Bởi vậy, hoạt động dầu khí thường có nhiều công ty với nhiều quốc gia cùng tham gia. Ta có thể thấy các dàn khoan dầu khí di động từ châu Phi sang châu Á rồi sang châu Mỹ đã trở thành hiện tượng bình thường.

Tại Việt Nam, sau những năm kêu gọi đầu tư nước ngoài, ngành Dầu khí đã chứng kiến sự có mặt của nhiều công ty Dầu khí trên thế giới. Những công ty dầu khí hàng đầu trên thế giới có doanh thu mỗi năm hàng trăm tỷ USD như: Exxon, Mobil, Shell; những công ty dầu khí quốc gia như: petrocanada (Canada), Petronas (Malaysia). PTT (Thái Lan), KNOC (Hàn Quốc) đến tổ hợp nhiều công ty độc lập loại vừa có thu nhập vài tỷ USD mỗi năm đều đến Việt Nam để hợp tác kinh doanh.

Thiên nhiên đã dành cho Việt Nam một vị trí địa lý - kinh tế khá thuận lợi trong việc phát triển hợp tác kinh tế với các thành viên khác của APEC. Chính nhờ lợi thế đó cộng với sự ổn định chính trị, xã hội, mà chỉ trong một thời gian tương đối ngắn, sau khi Việt Nam bắt đầu thực hiện chính

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

sách mở cửa, nhiều tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp từ các thành viên APEC đã đầu tư mạnh mẽ vào Việt Nam.

Kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) tại Việt Nam đến nay (1/1/1988 - 31/7/2003), Việt Nam đã thu hút được trên 4.900 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 52 tỷ USD, trong đó đã thực hiện được trên 25 tỷ USD. Trừ những dự án đã hết hạn và số dự án bị giải thể trước thời hạn, hiện có 4.096 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký trên 39,7 tỷ USD, vốn đầu tư thực hiện trên 23,5 tỷ USD. Trong đó, các thành viên APEC chiếm 84 % số dự án, 74% vốn đầu tư đăng ký và 68% vốn đầu tư thực hiện. Hiện đó có 15 thành viên của APEC tham gia đầu tư vào Việt Nam và điều đặc biệt là trong 10 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, có tới 6 thành viên của APEC, trong đó 5 thành viên đứng đầu bảng tổng sắp. Với kết quả như vậy, đầu tư của các thành viên APEC thực sự góp phần quan trọng giúp Việt Nam trở thành một trong số ít quốc gia trên thế giới đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong hơn một thập kỷ qua.

Khâu đột phá trước tiên của đầu tư APEC vào Việt Nam là sự tập trung xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật để thu hút ĐTNN và khách du lịch. Đó là việc đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn - du lịch, văn phòng - căn hộ cho thuê diễn ra sôi động trong những năm 1993-1996. Đây là hướng đầu tư rất quan trọng, bởi để nhà đầu tư và khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam thì không thể thiếu những tiện nghi cần thiết trong sinh hoạt và đi lại. Đi đầu trong lĩnh vực này là các nhà đầu tư Xingapo, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Hồng Kông, Malaixia...

Khâu đột phá trước mở ra khâu đột phá tiếp theo. Đó là việc tập trung đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Những dự án xi măng, thép, dây cáp điện, sứ vệ sinh, gạch ốp lát... của các nhà đầu tư Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, ốt-xtrơy-li-a đã góp phần làm "đổi đời" ngành công nghiệp vật liệu xây dựng cũ kỹ và lạc hậu ở Việt Nam.

Và đến lượt đột phá trong ngành công nghiệp cơ khí - điện tử - công nghệ thông tin và ở trong lĩnh vực này, vai trò của các nhà đầu tư đến từ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

các thành viên APEC cũng thể hiện rõ nét. Những dự án đầu tư của Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đài Loan góp phần đặt nền móng cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy ở Việt Nam. Công nghệ đóng tàu của Hàn Quốc đang tiếp sức cho Việt Nam tiến tới đóng những con tàu trọng tải lớn vượt đại dương.

Và cũng chính các nhà đầu tư đến từ khu vực này đã góp phần xây viên gạch đầu tiên cho ngành điện tử, công nghệ thông tin, nhất là mạng viễn thông của Việt Nam.

Nhưng khâu đột phá mang tính chiến lược, không chỉ đối với thời gian qua, mà còn đang tạo ra động lực trong thời kỳ mới chính là sự khai quật tài nguyên dầu khí dưới đáy đại dương. Một nửa nền móng của công nghiệp dầu khí Việt Nam đã được hình thành nhờ dự án Liên doanh thăm dò và khai thác dầu khí Vietsovpetro, trong đó sự đóng góp của đối tác Nga là rất lớn lao. Ngoài dự án này, trong những năm qua, Nga, Malaixia, Ấn Độ, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản... cũng đã và đang đầu tư vào một số dự án thăm dò - khai thác dầu khí. Tuy nhiên, lĩnh vực lọc dầu, hóa dầu - một nửa phần của công nghiệp dầu khí Việt Nam chưa được hình thành, đang rất cần sự đầu tư của các thành viên APEC.

Trong xu hướng toàn cầu hoá, cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt là điều phải tính đến trong chính sách thu hút đầu tư phát triển dầu khí của mỗi quốc gia. Tình hình biến động kinh tế thế giới hay khu vực đều có ảnh hưởng đến hoạt động dầu khí, đặc biệt là thị trường dầu mỏ. Do đó, các nước xuất khẩu dầu thô khối lượng lớn đã liên kết thành tổ chức OCED. Tổ chức này kiểm soát cung dầu mỏ trên thị trường thế giới nhằm bảo vệ quyền lợi của mình.

2.6 Giá dầu thô và các sản phẩm dầu khí luôn biến động

Sự biến động về giá dầu và các sản phẩm dầu khí buộc các tập đoàn dầu khí phải có những giải pháp tổ chức áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, nghiên cứu ứng dụng và phát triển để tạo thế cạnh tranh về điều kiện môi trường địa chất, địa lý, tính chất dầu thô, giá thành thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến, lợi nhuận thu được.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Tính theo mặt bằng chung về nhu cầu tiêu thụ xăng, dầu trên thế giới hiện nay, trung bình mỗi người sử dụng hết 5 thùng dầu/năm (169 lít/thùng, 6,5 - 7 thùng/tấn). Con số này ở VN mới đạt 0,95 thùng/năm, còn ở Trung Quốc là 1,5 thùng/năm. Do vậy, nếu chỉ lấy mức trung bình của Trung Quốc như hiện nay nhu cầu tiêu thụ của cả nước cũng đã đạt con số 20 triệu tấn/năm.

Giá dầu thế giới đã tăng mạnh khi xuất hiện làn sóng dầu cơ trước dự báo của ngân hàng đầu tư toàn cầu Goldman Sachs về khả năng giá dầu tăng lớn hơn 100 USD/thùng.

Tại New York, giá dầu ngọt nhẹ giao tháng 5/2004 1,41 USD lên 55,40 USD/thùng và đạt mức cao nhất là 56,10 USD/thùng.

Tại London, giá dầu tiêu thụ Brent biển Bắc giao tháng 5/2004 tăng mạnh 2,20 USD lên 54,29 USD/thùng.

Nghiên cứu của Goldman Sachs đó gây ra những mối lo ngại về dầu thô khi cho rằng thị trường sẽ phải đối mặt với xu hướng tăng bất ngờ do tình trạng khan hiếm nguồn cung và cầu. Dự báo này đã được các chuyên gia lường trước từ một vài năm qua bởi sự gia tăng nhu cầu về dầu mỏ và tình hình tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, đặc biệt là ở Mỹ và Trung Quốc.

Một nguyên nhân khác dẫn đến dự báo giá dầu tăng là những lo ngại về nguồn cung trước nguy cơ đình công của các công nhân Nigeria - nước xuất khẩu dầu thô nhiều nhất ở châu Phi. Hiệp hội dầu mỏ Nigieria cho biết họ sẽ cố gắng ngăn chặn cuộc đình công trên phạm vi quốc gia này. Theo dự kiến, cuộc đình công sẽ bắt đầu vào ngày 11/4/2005.

Là nước xuất khẩu dầu lớn thứ 9 trên thế giới, sản lượng xuất khẩu của Nigeria đạt 2,5 triệu thùng/ngày.

Theo các nhà phân tích khả năng các nhà máy lọc dầu của Mỹ không thể cung cấp đủ sản phẩm để phục vụ nhu cầu cũng đã thành hiện thực. Trong khi đã, Bộ Năng lượng Mỹ cho biết dự trữ dầu thô trong tuần tính đến ngày 25/3/2005 đó lên đến mức 314,7 triệu thùng, tăng thêm 5,4 triệu thùng -

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

một mức tăng cao hơn nhiều so với ước tính tăng 2 triệu thùng của các nhà kinh doanh và cũng cao hơn so với mức tăng 4 triệu thùng của tuần trước đó. Đây là mức tăng trong tuần cao nhất kể từ tháng 10/2004, đồng thời trữ lượng dầu ở mức nhiều nhất kể từ tháng 7/2002.

Thiên nhiên đã dành cho Việt Nam một vị trí địa lý - kinh tế khá thuận lợi trong việc phát triển hợp tác kinh tế với các thành viên khác của APEC. Chính nhờ lợi thế đã cộng với sự ổn định chính trị, xã hội, mà chỉ trong một thời gian tương đối ngắn, sau khi Việt Nam bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa, nhiều tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp từ các thành viên APEC đã đầu tư mạnh mẽ vào Việt Nam.

Kể từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTNN) tại Việt Nam đến nay (1/1/1988 - 31/7/2003), Việt Nam đã thu hút được trên 4.900 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 52 tỷ USD, trong đó đã thực hiện được trên 25 tỷ USD. Trừ những dự án đã hết hạn và số dự án bị giải thể trước thời hạn, hiện có 4.096 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký trên 39,7 tỷ USD, vốn đầu tư thực hiện trên 23,5 tỷ USD. Trong đó, các thành viên APEC chiếm 84 % tổng số dự án, 74% vốn đầu tư đăng ký và 68% vốn đầu tư thực hiện. Hiện đã có 15 thành viên của APEC tham gia đầu tư vào Việt Nam và điều đặc biệt là trong 10 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư lớn nhất vào Việt Nam, có tới 6 thành viên của APEC, trong đó 5 thành viên đứng đầu bảng tổng sắp. Với kết quả như vậy, đầu tư của các thành viên APEC thực sự góp phần quan trọng giúp Việt Nam trở thành một trong số Ýt quốc gia trên thế giới đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao trong hơn một thập kỷ qua.

Khâu đột phá trước tiên của đầu tư APEC vào Việt Nam là sự tập trung xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật để thu hút đầu tư nước ngoài và khách du lịch. Đã là việc đầu tư xây dựng hệ thống khách sạn - du lịch, văn phòng - căn hộ cho thuê diễn ra sôi động trong những năm 1993-1996. Đây là hướng đầu tư rất quan trọng, bởi để nhà đầu tư và khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam thì không thể thiếu những tiện nghi cần thiết trong sinh hoạt và đi lại. Đi đầu trong lĩnh vực này là các nhà đầu

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

tur Xingapo, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Hồng Kông, Malaysia...

Khâu đột phá trước mở ra khâu đột phá tiếp theo. Đã là việc tập trung đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng. Những dự án xi măng, thép, dây cáp điện, sứ vệ sinh, gạch ốp lát... của các nhà đầu tư Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, ốt-xtrây-li-a đã góp phần làm "đổi đời" ngành công nghiệp vật liệu xây dựng cũ kỹ và lạc hậu ở Việt Nam.

Và đến lượt đột phá trong ngành công nghiệp cơ khí - điện tử - công nghệ thông tin và ở trong lĩnh vực này, vai trò của các nhà đầu tư đến từ các thành viên APEC cũng thể hiện rõ nét. Những dự án đầu tư của Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đài Loan góp phần đặt nền móng cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy ở Việt Nam. Công nghệ đóng tàu của Hàn Quốc đang tiếp sức cho Việt Nam tiến tới đóng những con tàu trọng tải lớn vượt đại dương.

Và cũng chính các nhà đầu tư đến từ khu vực này đã góp phần xây viên gạch đầu tiên cho ngành điện tử, công nghệ thông tin, nhất là mạng viễn thông của Việt Nam.

Nhưng khâu đột phá mang tính chiến lược, không chỉ đối với thời gian qua, mà còn đang tạo ra động lực trong thời kỳ mới chính là sự khai quật tài nguyên dầu khí dưới đáy đại dương. Một nửa nền móng của công nghiệp dầu khí Việt Nam đã được hình thành nhờ dự án Liên doanh thăm dò và khai thác dầu khí Vietsopetro, trong đó sự đóng góp của đối tác Nga là rất lớn lao. Ngoài dự án này, trong những năm qua, Nga, Malaysia, indonesia, ostraylia, Hoa Kỳ, Nhật Bản... cũng đã và đang đầu tư vào một số dự án thăm dò - khai thác dầu khí. Tuy nhiên, lĩnh vực lọc dầu, hoá dầu - một nửa phần của công nghiệp dầu khí Việt Nam chưa được hình thành, đang rất cần sự đầu tư của các thành viên APEC.

3. Quá trình hình thành và phát triển của ngành dầu khí Việt Nam

Việc tìm ra lửa là một phát minh vĩ đại của loài người. Nó đã làm biến chuyển đời sống của loài người sang mét trang lịch sử mới, văn minh hơn và tiến bộ hơn rất nhiều. Kể từ đó tới nay, loài người không ngừng những

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

cuộc tìm kiếm các mỏ năng lượng, những nguồn năng lượng mới để phục vụ cho sản xuất và đời sống của con người. Dầu khí cũng không nằm ngoài số đó.

Công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí trên đất liền miền Bắc đã bắt đầu từ những năm 60 của thế kỷ trước và thực sự được mở rộng ra toàn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam từ sau ngày đất nước thống nhất. Những nỗ lực của ngành dầu khí non trẻ đã nhanh chóng được đền đáp bằng việc phát hiện vỉa khí – condensat đầu tiên tại giếng khoan 61 trên địa bàn xã Đụng Cơ, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Với kết quả khoan thăm lượng, ta đã xác định được mỏ khí Tiên Hải C với trữ lượng khoảng 1,3 tỷ m³ khí tại chỗ ngay trong năm 1975. Từ năm 1981 đến nay mỏ khí này đã được đưa vào khai thác để cung cấp khí cho công nghiệp địa phương tỉnh Thái Bình. Để thúc đẩy công tác tìm kiếm – thăm dò – khai thác dầu khí, ngày 3 tháng 9 năm 1975 Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam mà ngày nay là Tổng công ty Dầu Khí Việt Nam có tên giao dịch quốc tế là PETROVIETNAM đã ra đời. Song song với công tác thăm dò tại đồng bằng Hà Nội và quản lý 3 hợp đồng phân chia sản phẩm ở thềm lục địa phía Nam, Tổng cục dầu mỏ và khí đốt đã tiến hành đàm phán Hiệp định dầu khí Việt Nam - Liền Xứ và thành lập Xí nghiệp Liên doanh VIETSOVPETRO để thăm dò và khai thác dầu khí tại thềm lục địa phía Nam vào ngày 19 tháng 6 năm 1981. Bằng nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên Việt Nam – Liền Xứ, ngày 26 tháng 6 năm 1986 đó thực sự là một mốc son đánh dấu sự bắt đầu của ngành công nghiệp khai thác dầu khí, khi mỏ Bạch Hổ (thuộc thềm lục địa phía Nam, ngoài khơi tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) đã khai thác dòng dầu đầu tiên và chính thức đưa Việt Nam vào danh sách các nước xuất khẩu dầu thô. Điều đặc biệt quan trọng mang tính bước ngoặt là vào năm 1988 đã khẳng định nguồn trữ lượng dầu lớn tích tụ trong đồ móng granit nứt nẻ và đã được khai thác. Từ đó đến nay, móng granit nứt nẻ thuộc mỏ Bạch Hổ luôn đóng vai trò chủ lực trong khai thác dầu khí của Việt Nam. Với việc phát hiện và đưa vào khai thác dầu từ móng granit nứt nẻ tại mỏ Bạch Hổ, ngành dầu khí Việt Nam chẳng những đã chứng tỏ được sự lớn mạnh vượt bậc của mạnh mẽ còn mang đến cho nền công nghiệp dầu khí thế giới những quan điểm hết sức mới mẻ về việc tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí trong đồ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

múng granit nứt nẻ tuổi tiền đệ tam, một đối tượng mà từ trước đến nay thường ít khi được quan tâm chú ý.

Sau gần 30 năm hoạt động, sản lượng trung bình ngày trong năm 2004 là 400 nghìn thùng (53 ngàn tấn) dầu thô và trên 600 triệu bộ khối (16,8 triệu m³) khí đốt. Điều này đưa Ngành Dầu khí Việt Nam trở thành một trong những tập đoàn dầu khí hàng đầu của khu vực và Việt Nam trở thành quốc gia đứng thứ ba về khai thác và xuất khẩu dầu sau Ấn Độ và Malaixia.

Hiện tại, trên thêm lục địa và đất liền cú cộc mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng, Rạng Đông, Hồng Ngọc, Sư Tử Đen, Cái Nước, Bunga Kekwa, Bunga Raya, Bunga Seroja, Lan Tây và Tiền Hải C đang khai thác dầu và khí.

Sau gần hai mươi năm khai thác dầu khí, một thực tế đáng ghi nhận về sự nỗ lực phấn đấu của ngành Dầu Khí với sự đóng góp lớn lao vào công cuộc khôi phục và phát triển nền kinh tế quốc dân. Liên tục từ năm 1986 sản lượng dầu khai thác luôn được gia tăng năm sau cao hơn năm trước (hình 1). Từ nhiều năm trở lại đây thu nhập từ việc xuất khẩu dầu luôn chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng sản phẩm quốc nội.

Trong năm 2004, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đã được Chính phủ giao nhiệm vụ khai thác 17,5 triệu tấn dầu và 5,7 tỷ mét khối khí. Chỉ tiêu này là một thách thức lớn cho ngành Dầu Khí và cụm mỏ Bạch Hổ – Rồng là đối tượng khai thác chủ lực hiện nay đang bắt đầu đi vào thời kỳ suy giảm và kèm theo đó là các vấn đề phức tạp trong công tác khai thác mỏ và giếng. Để thực hiện được nhiệm vụ này tập thể lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của ngành và các đối tác tại các cơ sở khai thác đã lên kế hoạch hành động hết sức khoa học và tỷ mỉ nhằm khai thác an toàn và có hiệu quả các mỏ dầu khí. Tròn cơ sở kết quả nghiên cứu đó chế độ khai thác tối ưu của từng giếng, từng vỉa bao gồm những thông số chính về lưu lượng dầu, khí, nước, áp suất và nhiệt độ vỉa... sẽ được thiết lập. Chế độ khai thác các giếng và vỉa hợp lý giúp tránh cộc sự cố như nước, khí và cát xâm nhập sớm làm giảm hệ số thu hồi của mỏ dẫn đến một lượng đáng kể

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

trữ lượng dầu bị bỏ lại trong lòng đất không khai thác được. Cũng với mục đích khai thác an toàn và hiệu quả đối với mỏ, còn cần phải có các tính toán thiết kế lắp đặt và vận hành các thiết bị xử lý và vận chuyển dầu thô thương mại và khí đến nơi tiêu thụ hoặc giao nhận một cách tối ưu. Các tính toán này đòi hỏi tính khoa học, chi tiết và chính xác rất cao sao cho mọi thông số của dòng dầu, khí từ trong vỉa ở độ sâu vài nghìn mét, đến điểm giao nhận hoặc tiêu thụ, nằm cách xa nguồn cung cấp từ vài chục đến hàng trăm kilômét, vừa đảm bảo tính thống nhất của hệ thống khai thác vừa phù hợp với kế hoạch của người nhận sản phẩm hoặc tiêu thụ.

Cho tới thời điểm hết tháng 10-2004, tổng sản lượng khai thác được là 16,95 triệu tấn dầu thô và 4,9 tỷ mét khối khí, tương ứng đạt 97,5% và 82,31 % kế hoạch năm. Dự tính năm 2004 có thể sẽ đạt sản lượng 19.5 triệu tấn dầu thô vượt kế hoạch 11% và 6 tỷ m³ khí vượt 5% kế hoạch. Điểm đáng lưu ý là, mặc dù sản lượng khai thác dầu khí vượt so với kế hoạch nhưng đồng thời khai thác của các mỏ vẫn được đặt dưới chế độ kiểm soát chặt chẽ, do vậy đã hạn chế và đẩy lùi các tình huống phức tạp xảy ra.

Để xây dựng kế hoạch khai thác cho năm 2005, việc dự báo và xác định sản lượng khai thác dầu thô phải được tính toán trên cơ sở trạng thái thủy động học của các mỏ đang khai thác, tiến độ, cũng như khả năng đưa các mỏ mới vào phát triển. Như thông lệ, thường mỗi mỏ dầu khí khi đưa vào khai thác đều trải qua 3 giai đoạn (thời kỳ) tăng trưởng, ổn định và suy giảm. Như đã đề cập ở trên, mỏ Bạch Hổ hiện tại đang bước vào thời kỳ suy giảm. Các mỏ khác như Rồng, Đại Hùng cũng đã qua thời kỳ khai thác ổn định và đang bắt đầu chuyển qua thời kỳ suy giảm. Tuy Việt Nam đã khai thác được một khối lượng lớn dầu khí từ móng granót phong hoá và sản lượng dầu thô khai thác từ đối tượng này chiếm một tỷ trọng khá lớn nhưng chính đối tượng này cho tới nay vẫn chưa được hiểu biết một cách thấu đáo. Việc định hình công nghệ khai thác dầu từ đối tượng móng granót nứt nẻ chỉ mới được bắt đầu, cho nên để tối ưu hóa và thực sự làm chủ công nghệ khai thác các đối tượng này cần phải tiếp tục đầu tư thêm kinh phí và nhiều nỗ lực cho công tác nghiên cứu về móng nứt nẻ. Với tất cả các điều kiện trên, việc dự báo khai thác cho các đối tượng móng granót nứt nẻ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

luôn chứa đựng tính rủi ro cao và yêu cầu đối với công tác quản lý, giám sát khai thác phải hết sức chặt chẽ và thận trọng.

Kết quả công tác tìm kiếm thăm dò ở nước ta cho thấy tỷ lệ trữ lượng khí đốt được phát hiện tương đương hoặc cao hơn dầu. Điều này đặt nhiệm vụ cho các nhà hoạch định chiến lược phát triển năng lượng của Việt Nam là phải tìm cách mau chóng đưa nguồn năng lượng sạch này vào phục vụ cuộc sống. Khác với mỏ dầu mà sản phẩm của nó, ở mức độ nào đó dễ dàng hơn trong việc bao tiêu sản phẩm, với các mỏ khí sản lượng khai thác một mặt phụ thuộc vào khả năng cho dừng khớ của mỏ nhưng mặt khác rất phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ khí. Thực tế hiện nay ở Việt Nam cho thấy, một số nhà đầu tư đã tìm được các nguồn khí đáng kể song do chưa có thị trường tiêu thụ nên khụng phát huy được hiệu quả đầu tư của mình và đang rất dè dặt trong công tác tìm kiếm thăm dò tiếp sau.

Tiến độ và quy mô xây dựng các công trình để đưa các mỏ mới vào khai thác phụ thuộc nhiều và nguồn trữ lượng dầu khí và hiệu quả kinh tế khai thác các mỏ đã được phát hiện trước đó. Hơn nữa, việc phát hiện các mỏ dầu khí chỉ thực hiện được khi công tác tìm kiếm thăm dò được triển khai đều đặn và tích cực. Từ những điểm nêu trên đõy, xột tới thực tế Tổng công ty Dầu Khí đó mạnh dạn đăng ký với Chính phủ kế hoạch khai thác 18 triệu tấn dầu thô và 6 tỷ m³ khí trong năm 2005 với việc đẩy mạnh hơn nữa công tác tìm kiếm thăm dò nhằm gia tăng nguồn trữ lượng dầu khí làm tiền đề cho việc ổn định khai thác trong những năm tiếp theo.

Ngoài ra, trong một kế hoạch dài hạn hơn, để đảm bảo an ninh, an toàn năng lượng quốc gia cũng như thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 7 - 8 - 1998 của Bộ Chính trị về “Phương hướng phát triển ngành dầu khớ...”, cộc mục tiêu phát triển ngành dầu khí đặt ra tại các Đại hội V, VIII và IX của Đảng và Chiến lược phát triển ngành dầu khí đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, trong thời gian tới Tổng công ty Dầu Khí sẽ tiếp tục triển khai hàng loạt hoạt động nhằm đảm bảo gia tăng trữ lượng 30 triệu tấn mỗi năm và đến năm 2010 sản lượng khai thác dầu khí đạt 27 - 30 triệu tấn dầu quy đổi. Để đạt được mục tiêu đó, nhiệm vụ của Tổng công ty Dầu Khí là phải nhanh chóng phát

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

triển và đưa vào khai thác các mỏ dầu khí đó phát hiện, như Su Tử Vàng, Su Tử Trắng tại bồn trũng Cửu Long, Rồng Đồi / Rồng Đui Tõy tại bồn trũng Nam Côn Sơn, Kim Long, Ác Quỷ, Cá Voi và Hoa Mai tại khu vực thềm lục địa Tây Nam và một số mỏ nhỏ tại vùng chông lán Việt Nam - Malaixia (cùng công ty Petronas và các đối tác) trong vòng từ nay đến năm 2010.

Đồng thời như một biện pháp chiến lược và đồng bộ cho mục tiêu của chiến lược phát triển ngành đến năm 2020, một mặt Tổng công ty Dầu khí sẽ đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động tìm kiếm, thăm dò thông qua việc đưa ra đấu thầu quốc tế cốc lụ cũn mở thuộc khu vực các bể trầm tích Cửu Long, Phỳ khỏnh và cốc lụ nước sâu với các chính sách ưu đãi, hình thức hợp tác thích hợp và cúy hiệu quả hơn trước đây nhằm thu hút thòm cốc đối tác từ nước ngoài. Mặt khác để tạo nên sự hội nhập nhiều hơn vào thị trường dầu khí quốc tế và sự đảm bảo cung ứng chắc chắn hơn cho nhu cầu đối với sản phẩm dầu khí của nền kinh tế nước nhà, dưới sự chỉ đạo sát sao của các cơ quan Đảng và Chính phủ, sự hỗ trợ tích cực của các bộ, ngành Tổng công ty Dầu khí đã từng bước xúc tiến việc hợp tác thăm dò và khai thác dầu khí tại nhiều nước như I - rắc, Malaixia, Indonesia, Algeri, Mông Cổ,... và với tiến độ như hiện nay có thể vào năm 2006 chúng ta có thể có sản lượng dầu khai thác từ nước ngoài.

Do chưa có nhà máy lọc dầu trong nước, nên từ năm 1986 tới nay, toàn bộ lượng dầu thô Việt Nam sản xuất được đều phải xuất khẩu. Theo dòng thời gian, sau Bạch Hổ, dầu thô khai thác từ những mỏ khác cũng lần lượt được đưa vào thị trường. Năm 1994, từ mỏ Đại Hùng đó có dầu thô xuất khẩu, đây là những sản phẩm đầu tiên của sự hợp tác với các công ty dầu khí phương tây, khi đó là công ty BHPP đến từ Úc. Tiếp đến, năm 1997 ta có xuất khẩu dầu thô từ mỏ PM3-CAA, năm 1998 từ hai mỏ Rạng Đông và Ruby và năm 2003 thêm hai mỏ nữa có dầu xuất khẩu đó là mỏ Su Tử Đen và mỏ Cái Nước. Cho đến thời điểm này, tổng số dầu thô xuất khẩu của Việt Nam ước đạt khoảng trên 160 triệu tấn với doanh thu trên 30 tỷ USD.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Khách hàng mua dầu của Việt Nam rất đa dạng, gồm các công ty lớn như BP, Chevron, Exxon Mobil, Shell hay các công ty thương mại của Nhật, Singapore, Trung Quốc và cả những nhà máy lọc dầu trong khu vực. Phương thức tiêu thụ dầu của Việt Nam cũng rất đa dạng, từ việc dùng dầu thô đốt thẳng để phát điện (Nhật) đến việc đưa đến lọc tại các nhà máy lọc dầu tại Úc, Singapore, Trung Quốc thậm chí cả đưa sang Mỹ. Về giá dầu thô thì thị trường trong vòng 20 năm trở lại đây, đã trải qua biết bao biến động thăng trầm, từ chỗ giá dầu năm 1988 chỉ ở mức trên 14 USD/thùng sau đó tăng lên 19-20 USD/thùng, để rồi lại rớt xuống năm 1998, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính trong khu vực, lại rơi xuống mức 12,5 USD/thùng. Trong những năm sau, theo đà khôi phục của nền kinh tế thế giới, giá dầu nhanh chóng được phục hồi ở mức 24-25 USD/thùng. Một vài năm gần đây, một mặt do tình hình chính trị thế giới không ổn định với các cuộc chiến tranh liên tiếp xảy ra tại Nam Tư, Apganótxtăng và Irắc, mặt khác do các nền kinh tế đã khôi phục hoàn toàn, đặc biệt là sự bùng nổ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc, giá dầu thô đã được đẩy lên một kỷ lục mới ở mức trên 55 USD/thùng vào tháng 10 năm 2004. Điều này cũng đem lại cho cho việc xuất dầu thô của ta trong năm 2004 một lợi thế quan trọng về doanh thu.

Với tiến độ như hiện nay, từ năm 2008 khi ngành công nghiệp lọc dầu và chế biến dầu khí bắt đầu vào hoạt động, dầu thô Việt Nam sẽ bắt đầu được giữ lại để chế biến trong nước nhằm tạo ra sản phẩm trực tiếp phục vụ dân sinh, chấm dứt thời kỳ xuất tịnh dầu thô của đất nước; cũng chỉ từ lúc đó chúng ta mới thực sự chủ động trong công tác đảm bảo an ninh năng lượng dầu khí và giúp phần cải thiện cơ cấu kinh tế của ngành theo hướng tăng dần tỷ trọng doanh thu từ các khâu công nghiệp khí, công nghiệp lọc dầu, dịch vụ, thương mại, tài chính, bảo hiểm...

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu năm 2004 (Số liệu sơ bộ) (13:48 23/03/2005)

	Đơn vị	2004		Tỷ lệ (%) so 2003	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
TỔNG TRỊ GIÁ	Triệu đôla		26504,2		131,5
Khu vực KT trong nước	"		12017,3		120,3
Khu vực có vốn ĐTNN					
Kể cả dầu thô	"		14486,9		142,6
Trừ dầu thô	"		8816,3		139,1
MẶT HÀNG CHỦ YẾU					
Dầu thô	Nghìn tấn	19501	5670,6	113,8	148,4
Than đá	"	11624	355,2	160,1	188,7
Hàng dệt, may	Triệu đôla		4385,6		121,5
Giày dép	"		2691,6		119,1
Điện tử, máy tính	"		1075,4		125,8
Thủ công mỹ nghệ	"		425,5		107,1
Sữa và sản phẩm sữa	"		34,2		51,0
Dây điện và cáp điện	"		389,0		133,4
Sản phẩm nhựa	"		260,9		153,3
Xe đạp và phụ tùng xe đạp	"		239,0		153,8
Dầu mỡ động, thực vật	"		54,9		249,1
Đồ chơi trẻ em	"		47,0		149,5
Mỹ ăn liền	"		52,8		144,5
Gạo	Nghìn tấn	4087	950,4	107,3	132,0
Cà phê	"	975	641,0	130,1	127,0
Rau quả	Triệu đôla		178,8		118,1
Cao su	Nghìn tấn	513	596,9		138,2
Hạt tiêu	"	112	152,4	74,0	145,7
Hạt điều	"	105	436,0	128,1	157,7
Chè	"	99	95,5	169,5	163,6
Lạc	"	45	27,0	54,7	55,9

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Sản phẩm gỗ	Triệu đôla	1139,1	201,0
Thủy sản	Triệu đôla	2400,8	109,1

Từ bảng số liệu trên ta thấy vai trò của dầu thô hết sức quan trọng, nó có đóng góp lớn nhất vào thu nhập quốc dân so với các mặt hàng khác xuất khẩu chủ yếu ở nước ta.

4. Vai trò của ngành dầu khí Việt Nam

Vị trí trọng yếu của ngành năng lượng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia là một điều không thể phủ nhận. Trong khi tìm kiếm những nguồn năng lượng mới, tiếp tục khai thác, sử dụng những nguồn năng lượng hiện có thì dầu khí vẫn là nguồn năng lượng chiếm ưu thế nổi trội bởi vai trò quan trọng đặc biệt của nó đối với mỗi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng.

Một năm khởi đầu từ mùa Xuân. Đời người bắt đầu sự nghiệp từ tuổi trẻ. Muôn loài sinh vật đâm chồi, nảy lộc và phát triển mạnh mẽ từ mùa Xuân. Ngành Dầu khí của nước ta tuy mới hình thành và phát triển hơn 20 mùa Xuân, nhưng đã và đang có những đóng góp ngày càng to lớn về nhiều mặt cho đất nước. Đặc biệt, sự ra đời của ngành Dầu khí Việt Nam là tiền đề quan trọng hàng đầu để phát triển nhiều ngành công nghiệp mới, sẽ góp phần ngày càng to lớn thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà.

4.1 Phát triển nhiều ngành công nghiệp mới

Dầu khí là tiền đề và là nguồn năng lượng, nguyên liệu chủ yếu và quan trọng để nước ta phát triển thêm nhiều ngành công nghiệp mới với công nghệ tiên tiến, hiện đại để đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp trong những năm 20 của thế kỷ này.

Cùng với việc tăng tốc độ khai thác dầu thô, ngành công nghiệp khí đã hình thành từ năm 1995 và hiện đang phát triển mạnh, đồng thời triển khai xây dựng các công trình chế biến khí, năm 2002 vừa qua đã cung ứng kịp thời cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng của xã hội 147.000 tấn

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

condensate và 349.000 tấn khí hóa lỏng LPG thay hàng nhập khẩu. Đường ống dẫn khí Nam Công Sơn, trong đó có 362 km² pha đặt ngầm dưới đáy biển - dài nhất thế giới với công suất 7 tỷ m³/năm vừa hoàn thành cuối năm 2002 là đỉnh cao mới của ngành Công nghiệp Khí Việt Nam. Đây là công trình quan trọng hàng đầu đảm bảo cung ứng an toàn, ổn định lâu dài nguồn nhiên liệu, nguyên liệu cho các nhà máy điện, đạm và hoá dầu ở Phú Mỹ có công suất lớn nhất hiện nay ở Việt Nam.

Ở miền Tây Nam bộ, dự án Tổ hợp Khí Điện – Đạm Cà Mau đang được khẩn trương thực hiện có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời đóng vai trò rất quan trọng đối với sự hoà nhập trong tương lai vào hệ thống đường ống dẫn khí xuyên cửa nước Đông Nam Á.

Khí thiên nhiên là nguồn nhiên liệu sạch cho ngành Công nghiệp điện nước nhà đem lại sản lượng điện chiếm trên 40% tổng sản lượng điện của cả nước với giá thành rẻ thứ 2 sau thủy điện. Riêng Trung tâm Điện lực Phú Mỹ có tổng công suất 3.859 MW với công nghệ tiên tiến, hiện đại vào bậc nhất của thế giới sẽ được hoàn thành đồng bộ vào năm 2005. Sau Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, các nhà máy điện chạy khí ở Cà Mau, Cần Thơ, Trà Vinh, Đồng Nai... đang được triển khai xây dựng và sẽ đưa vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2010, từng bước tăng thêm đáng kể nguồn điện cho đất nước.

Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Petro Việt Nam) đã và đang cùng với các đối tác trong và ngoài nước triển khai một loạt dự án xây dựng các nhà máy lọc, hoá dầu để đem lại cho đất nước ngày càng nhiều các loại sản phẩm có giá trị kinh tế cao, không những đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá nước nhà, mà còn xuất khẩu. Đi đôi với khẩn trương xây dựng để đưa Nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất đi vào hoạt động cuối năm 2005, Petro Việt Nam đang khẩn trương chuẩn bị dự án lọc hoá dầu số 2 tại Nghi Sơn – Thanh Hóa với công suất giai đoạn đầu 7 triệu tấn/năm gồm hàng chục loại sản phẩm chất lượng cao phù hợp nhu cầu trong nước.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Petro Việt Nam cũng đang lập các dự án khả thi để triển khai xây dựng 2-3 trung tâm hoá dầu gắn với nguyên liệu từ các nhà máy lọc dầu số 1, số 2 và một trung tâm hóa dầu mới gắn với nguồn nguyên liệu từ khí thiên nhiên ở khu vực Đông Nam bộ. Tổng công ty Hoá chất Việt Nam cũng đang triển khai dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất than đen (Carbon black) công suất giai đoạn đầu 50.000 tấn/năm đi từ nguồn dầu cặn sau khi lọc, thay hàng nhập khẩu, với tổng số vốn đầu tư 45 triệu USD.

Tại khu công nghiệp Phú Mỹ, một loạt các dự án nhà máy hoá dầu đầu tiên ở Việt Nam với quy mô tương đối lớn đã và đang được khẩn trương thực hiện. Dự án nhựa PVC Phỳ Mỹ-liền doanh giữa Petro Việt Nam và Petronas công suất giai đoạn đầu 100.000 tấn sản phẩm/năm đã chính thức đi vào sản xuất đầu năm nay. Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ công suất giai đoạn đầu 800.000 tấn/năm là dự án hoá dầu lớn nhất Việt Nam tại thời điểm này, dự định đi vào hoạt động trong năm 2004.

4.2 Tiềm năng tài nguyên quý hiếm

Dầu khí là nguồn khoáng sản quý hiếm, nhưng không tái tạo. Qua tìm kiếm thăm dò cho đến nay, các tính toán dự báo đã khẳng định tiềm năng dầu khí Việt Nam tập trung chủ yếu ở thềm lục địa, trữ lượng khí thiên nhiên có khả năng nhiều hơn dầu. Với trữ lượng đã được thăm định, nước ta có khả năng tự đáp ứng được nhu cầu về sản lượng dầu khí trong những thập kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ thứ 3.

Tổng tiềm năng dầu khí tại các bể trầm tích: Sông Hồng, Phỳ Khánh, Nam Côn Sơn, Cửu Long, Ma lay - Thổ Chu, Vùng Tư Chính - Vũng Mỡy... đó được xác định tiềm năng và trữ lượng đến thời điểm này là từ 0,9 đến 1,2 tỷ m³ dầu và từ 2.100 đến 2.800 tỷ m³ khí. Trữ lượng đã được xác minh là gần 550 triệu tấn dầu và trên 610 tỷ m³ khí. Trữ lượng khó đó được thăm lượng, đang được khai thác và sẵn sàng để phát triển trong thời gian tới vào khoảng 400 tỷ m³. Với các biện pháp đồng bộ, đẩy mạnh công tác tìm kiếm - thăm dò, hy vọng từ 40 đến 60% trữ lượng nguồn khí thiên nhiên của nước ta sẽ được phát hiện đến năm 2010.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Hiện nay, ngành Dầu khí nước ta đang khai thác dầu khí chủ yếu tại 6 khu mỏ bao gồm: Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng, Hồng Ngọc, Rạng Đông, Bunga Kekwa - Cái Nước và chuẩn bị chính thức đưa vào khai thác mỏ khí Lan Tõy - lụ 06.1. Công tác phát triển các mỏ Rạng Đông, Ruby và Emerald, Lan Tây - Lan Đỏ, Sư Tử Đen, Sư Tử Vàng, Hải Thạch, Rồng Đồi, Kim Long, Ác Quỷ, Cá Voi... đang được triển khai tích cực theo chương trình đã đề ra, đảm bảo duy trì và tăng sản lượng khai thác dầu khí cho những năm tới. Dự kiến, mỏ Sư Tử Đen (lô 15-1) sẽ được đưa vào khai thác trong quý 4 năm nay.

Những phát hiện về dầu khí mới đây ở thềm lục địa miền Nam nước ta rất đáng phấn khởi, tăng thêm niềm tin và thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư là: lô 09-2, giếng Cá Ngừ Vàng - IX, kết quả thử vỉa thu được 330 tấn dầu và 170.000m³ khí/ngày. Lụ 16-1, giếng Voi Trắng-IX cho kết quả 420 tấn dầu và 22.000m³ khí/ ngày. Lô 15.1, giếng Sư Tử Vàng – 2X cho kết quả 820 tấn dầu và giếng Sư Tử Đen – 4X cho kết quả 980 tấn dầu/ngày. Triển khai tìm kiếm thăm dò mở rộng các khu mỏ Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng với các giếng R-10, 05- ĐH-10 cho kết quả 650.000m³ khí ngày đêm và dòng dầu 180 tấn/ngày đêm; Giếng R-10 khoan tầng móng đã cho kết quả 500.000 m³ khí/ngày đêm và 160 tấn Condensate/ngày đêm.

Tính chung, 2 năm đầu thế kỷ mới, ngành Dầu khí nước ta đã thăm dò phát hiện gia tăng thêm trữ lượng trên 70 triệu tấn dầu thô và hàng chục tỷ m³ khí để tăng sản lượng khai thác trong những năm tiếp theo. Năm nay, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam bố trí kế hoạch khai thác 20,86 triệu tấn dầu thô quy đổi (tăng 1,5 triệu tấn so với mức đã thực hiện trong năm 2002). Đây là năm đầu tiên nước ta khai thác trên 20 triệu tấn dầu thô quy đổi. Trong đó có 17,6 triệu tấn dầu thô và 3,7 tỷ m³ khí thiên nhiên. Dự kiến đến năm 2010, ngành Dầu khí nước ta sẽ khai thác từ trên 30 đến 32 triệu tấn dầu thô quy đổi, nhằm đáp ứng các ngành năng lượng và sản xuất công nghiệp của cả nước.

4.3 Mang lại nguồn ngoại tệ lớn nhờ xuất khẩu

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Dầu khí đóng góp vai trò vô cùng quan trọng trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì nó là ngành tích lũy tư bản cho quá trình phát triển. Thiên nhiên ưu đãi cho nước ta nguồn tài nguyên dầu khí. Đây là một thuận lợi lớn của Việt Nam trong quá trình tích lũy vốn ban đầu cho sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước. Từ khi có luật đầu tư nước ngoài, ta đã thu hút ngày càng nhiều công ty nước ngoài bỏ vốn đầu tư vào lĩnh vực thăm dò, tìm kiếm dầu khí. Đó là cơ hội cho ta rút ngắn quá trình tích lũy vốn bằng cách khai thác các mỏ khí thiên nhiên để xuất khẩu, chủ yếu là dầu thô.

Dầu thô đứng đầu trong 8 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam dưới dạng sản phẩm thô, gồm có: dầu thô, gạo, hải sản, Những sản phẩm này chiếm 60-70% tổng kim ngạch xuất khẩu, chỉ riêng dầu thô xuất khẩu đã chiếm tới 17.5%. Dầu thô đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện cán cân xuất nhập khẩu.

Trong thời gian tới, khi các nhà máy lọc hoá dầu đi vào hoạt động, nguồn ngoại tệ thu được sẽ nhiều hơn nữa nhờ xuất khẩu những sản phẩm dầu tinh chế.

4.4 Là nguồn thu lớn của ngân sách nhà nước

Ngành dầu khí Việt Nam hiện đang là một trong những ngành đóng góp nhiều nhất cho ngân sách nhà nước. Thực hiện hoạt động xuất khẩu dầu thô đã mang lại lợi nhuận lớn cho ngành và cho đất nước. Hiện nay ngành đã phát triển đưa vào khai thác an toàn các mỏ: Bạch hổ, Hồng Ngọc, ... Tổng sản lượng dầu thô và khí thu được đã tăng qua các năm. Đến nay, tổng sản lượng đã khai thác là 110 triệu tấn dầu thô và trên 7 tỷ m³ khí cung cấp cho ngành sản xuất điện. Với sản lượng khai thác lớn như vậy và giá dầu trong những năm qua tương đối cao, Dầu khí đã đóng góp cho GDP ngày càng tăng và là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Tính trung bình, 15% ngân sách nhà nước là thu từ Dầu khí thông qua các khoản thuế và lợi nhuận của nước chủ nhà. Năm 1992-1993, GDP trong ngành công nghiệp dầu khí chỉ khoảng 5000 tỷ đồng, nhưng đến năm 2003 đã tăng lên tới 38000 tỷ đồng. Tuy công nghiệp dầu khí còn chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng GDP (năm 1992 khoảng 4% và năm 2003 mới tăng lên trên 6%).

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

nhưng nếu xem xét trên khía cạnh đóng góp vào thu ngân sách nhà nước thì có thể nói đây là ngành có số thu lớn nhất trong tất cả các ngành kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

4.5 Góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, tăng phúc lợi xã hội

Việc sử dụng các sản phẩm dầu khí trong sinh hoạt, sản xuất thay cho những nguồn nguyên liệu truyền thống như than, củi đã có tác động tích cực đến việc bảo vệ và gìn giữ môi trường. Rừng sẽ không bị tàn phá, những thảm thực vật, động vật được bảo vệ an toàn. Bầu không khí sẽ trong lành hơn khi các sản phẩm năng lượng sạch của dầu khí được sử dụng, tiêu thụ hàng ngày. Khí hoá lỏng sẽ thế chỗ cho xăng dầu trong việc vận hành các phương tiện giao thông, góp phần làm giảm bụi khói gây ô nhiễm môi trường, ...

Việc sử dụng các sản phẩm như khí hoá lỏng, gas,... là biểu hiện của một xã hội văn minh, đời sống kinh tế của con người được nâng cao. Ở Việt Nam hiện nay các hộ gia đình trung lưu đã chuyển sang sử dụng bếp gas. Các xe ô tô bắt đầu sử dụng khí hoá lỏng (LPG). Ý của con người về bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao. Những bệnh về đường hô hấp hoặc những bệnh do môi trường ô nhiễm gây ra cũng sẽ giảm dần. Nguồn ngân sách nhà nước tăng thu nhờ đóng góp ngày càng hơn của ngành dầu khí, sẽ tăng chi cho phát triển xã hội, cải thiện đời sống con người.

PHẦN II: VAI TRÒ CỦA NGÀNH DẦU KHÍ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VIỆT NAM

1. Dầu khí và vấn đề tăng trưởng kinh tế

Những tác động tích cực của ngành dầu khí đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế củ Việt Nam là điều không thể phủ nhận. Mọi hoạt động của sản xuất và đời sống sẽ bị ngừng trệ, không thể phát triển được nếu như không có năng lượng. Phát triển dầu khí tác động tới rất nhiều ngành công nghiệp khác trong các công đoạn khai thác, chế biến, phân phối kinh doanh như hoá dầu, hoá chất, công nghiệp khí,...Nhờ có dầu khí mà những ngành đó có điều kiện tăng trưởng và phát triển vì dầu khs không chie cung cấp nhiên liệu mà còn cung cấp nguyên liệu cho những ngành này hoạt động. Đó là hầu hết những ngành chr chốt trong nền kinh tế đất nước. Để phục vụ ngành đòi hỏi phải có nhân công. Do vậy, phát triển Dầu khí đã gián tiếp tạo việc làm cho nhiều người lao động, gián tiếp giải quyết những bức xúc, những vấn đề xã hội. Việc xuất khẩu dầu thô đã thu được nguồn ngoại tệ đóng góp lớn voà thu ngân sách nhà nước và cung giải quyết được phần nào tình trạng thiếu vốn đầu tư hiện nay. Như vậy, Dầu khí đã tạo những tiền đề, điều kiện cho cac ngành khác góp phần vào tăng thu ngân sách Nhà nước.

2. Dầu khí và vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước

Thực hiện mục tiêu chung về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển Dầu khí Việt Nam dựa trên nhiều

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

lợi thế. Là một ngành có lợi thế về tài nguyên nên cần phải phát triển mạnh, cần hướng mạnh hơn nữa về xuất khẩu, tạo ra nhiều việc làm, tăng nguồn thu ngoại tệ và góp phần làm cân đối cán cân thương mại. Đối với khâu chế biến, cần mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng sản phẩm để vừa tăng thêm để phục vụ cho tiêu dùng trong nước cũng như tăng thêm về sản phẩm cho xuất khẩu, vừa tạo ra sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp.

Dầu khí là một ngành công nghiệp nặng quan trọng, có sức cạnh tranh mạnh mẽ, được phát triển có chọn lọc. Cùng với luyện kim, hoá chất, công nghiệp dầu khí góp phần tạo ra phần lớn nguyên liệu và nhiên liệu cho các ngành công nghiệp khác. Do cần vốn đầu tư lớn và yêu cầu công nghệ cao, để phát triển các ngành này phải liên doanh với các đối tác nước ngoài để đẩy nhanh tiến độ phát triển. Dầu khí có tác động tới nhiều ngành công nghiệp khác theo các mối quan hệ ngược chiều, xuôi chiều và phát triển. Để phục vụ cho việc khai thác dầu khí cần có những dàn khoan, việc khai thác thực hiện ở ngoài khơi nên cần phải đưa đón nhân công, mua sắm các thiết bị hiện đại, cần có sự hỗ trợ của ngành xây dựng, vận tải, hàng không, ... trong quá trình phát triển công nghiệp dầu khí. Đó là mối quan hệ trực tiếp ngược. Mặt khác, sau khi khai thác dầu thô nếu xuất khẩu luôn thì lợi nhuận sẽ không cao. Cần có công nghiệp lọc dầu, hoá dầu cho ra đời những sản phẩm chế biến phục vụ cho sản xuất và đời sống. Khi đó, hoá chất cũng có được nguồn nguyên liệu, công nghiệp cũng phát triển song hành với khai thác dầu thô, ... Đó là mối quan hệ trực tiếp xuôi chiều của dầu khí với các ngành khác. Khí cung cấp cho các nhà máy điện, góp phần phát triển ngành công nghiệp điện, ... Hơn nữa, dầu khí tăng trưởng và phát triển khiến thu nhập của người lao động trong ngành dầu khí tăng. chi tiêu cho tiêu dùng tăng, cơ cấu sản xuất hàng tiêu dùng cũng thay đổi. Đó là mối quan hệ gián tiếp xuôi chiều phát triển.

3. Dầu khí với việc giải quyết vấn đề xã hội

Không chỉ có những tác động tích cực tới phát triển kinh tế đất nước mà Dầu khí còn mang lại những hiệu quả tích cực đối với việc phát triển xã hội Việt Nam. Phát triển ngành công nghiệp dầu khí đồng thời có tác động

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

tích cực tới sự phát triển của một số ngành công nghiệp có liên quan như hoá dầu, công nghiệp nhựa, công nghiệp khí, sản xuất phân bón, đạm,... Tức là cần có nhân lực để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong các ngành đó. Như vậy, Dầu khí đã gián tiếp tạo ra thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động.

Là một ngành công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại nên yêu cầu bắt buộc những người tham gia vào ngành phải có trình độ chuyên môn kỹ thuật nhất định. Đây chính là yếu tố thúc đẩy tăng cường giáo dục và đào tạo người lao động để đáp ứng nhu cầu đã đặt ra. Bởi thường xuyên làm việc với các chuyên gia, tiếp xúc với những kỹ thuật công nghệ hiện đại, nếu không có trình độ chuyên môn cao thì không thể nắm bắt và làm việc được. Do đó, người lao động luôn phấn đấu nâng cao trình độ, thúc đẩy việc tự rèn luyện để thích ứng với những đòi hỏi cao mà ngành đã đặt ra.

Việc cung cấp năng lượng để phục vụ đời sống của nhân dân là nhiệm vụ trọng yếu của ngành. Những loại năng lượng sạch của ngành cung cấp góp phần làm giảm khí bụi, không gây ô nhiễm môi trường nên càng ngày nhu cầu sử dụng càng tăng. Điều này thể hiện ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường ngày càng được nâng cao, đồng thời nó cũng có tác dụng ngược lại đối với ngành là thúc đẩy sự phát triển của ngành mạnh hơn nữa cung cấp nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Một đặc trưng của ngành là trong hoạt động sản xuất cả phải hợp tác đầu tư với nước ngoài trên cả ba khâu: thượng nguồn, trung nguồn, hạ nguồn. Đây là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của quan hệ hợp tác quốc tế. Qua đó, học hỏi kinh nghiệm, làm quen với phương thức kinh doanh quốc tế. Sự hợp tác này cũng khiến cho người lao động học tập tác phong công nghiệp, làm việc có kỷ luật của người nước ngoài, tiếp thu những kiến thức, học hỏi nhiều kinh nghiệm quý giá. Đồng thời, cũng nhờ quan hệ hợp tác này, Việt Nam có cơ hội tham gia vào thị trường kinh doanh thế giới, tiến tới và mở rộng thị phần cho chính mình.

Mặc dù hoạt động kinh doanh dầu khí mới chỉ xuất khẩu dầu thô nhưng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ dầu khí rất lớn. Khi quỹ ngân sách được làm đầy hơn nhờ dầu khí cũng có nghĩa là ngân sách có quyền chi

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

tiêu nhiều hơn cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, ... nhằm nâng cao hơn mức sống của con người, làm tăng phúc lợi xã hội, góp phần làm giàu có hơn cho đời sống cộng đồng.

4. Tạo quỹ môi trường bảo vệ và phát triển rừng qua xăng dầu

Lợi và không lợi cho những ai?

Nhà nước nờn trích trong giá bán xăng dầu một khoản tiền để lập quỹ môi trường bảo vệ và phát triển rừng.. Trong bài “Phó môi trường - Sự công bằng đối với môi trường” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 10 tháng 10 năm 2002 đã phân tích kỹ mối liên quan giữa môi trường và việc sử dụng xăng dầu, khí đốt, than đá,... làm ảnh hưởng đến môi trường và trong cơ chế thị trường có sự bất công rất lớn đối với môi trường. Đồng thời qua đó tính thử việc trích trong giá bán 1 kg xăng dầu là 80 đồng để tạo quỹ môi trường dùng cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, thì với mức nhập khẩu và sử dụng xăng dầu của Việt Nam khoảng 8 triệu tấn/năm (số liệu có được khi chuẩn bị viết bài đó), sẽ được một khoản tiền là 640 tỷ đồng. Như vậy sẽ phù hợp hơn với tầm cỡ của một công trình trọng điểm quốc gia đã được Quốc hội thông qua. Vì trong thời gian thực hiện Chương trình 327 (1993-1998), Nhà nước đã đầu tư gần 3.000 tỷ đồng, bình quân hằng năm gần 500 tỷ đồng, trong đó năm 1995 được đầu tư cao nhất lên tới 630 tỷ đồng. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đã được Quốc hội xác định là một trong ba công trình trọng điểm quốc gia, đáng lẽ ra phải được đầu tư lớn hơn, nhưng do hạn chế về ngân sách nên trong những năm đầu, mỗi năm chỉ đầu tư được hơn 300 tỷ đồng, vừa qua có được nông thòm, nhưng lương cơ bản đã hai lần tăng và giá cũng đã bị trượt qua mỗi năm. Như vậy với cách làm như hiện nay, đến năm 2010 Dự án rất khó thực hiện được các mục tiêu đã được Quốc hội giao cho.

Việc thu phí môi trường qua xăng dầu cũng hợp lý và đơn giản hơn nhiều so với việc thu phí giao thông qua xăng dầu để dùng cho việc bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, vì xăng dầu còn được sử dụng vào rất nhiều công việc khác như chạy máy phát điện, máy bơm nước, máy bay, tàu thủy, ca-nu, cò loại máy canh tác nông lâm nghiệp, dùng trong công nghiệp hóa

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

chất,... Khi bán xăng dầu không thể phân biệt được lượng xăng dầu đó bỏn đủ dùng cho mục đích gì? Nhưng xăng dầu dù được sử dụng bằng bất kỳ cách nào, dù ở dưới đất, ở dưới nước hay ở trên trời cũng đều có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, xăng dầu được đốt cháy trong động cơ đốt trong hoặc được đốt cháy bằng bất kỳ cách nào khác cũng đều làm giảm lượng oxy (O_2) và làm tăng khí cacbonic (CO_2) trong không khí. Rừng cây là lá phổi xanh của hành tinh chúng ta, cây rừng luôn luôn hấp thụ khí cacbonic (CO_2), trả lại oxy (O_2) cho khung khí và có nhiều tác dụng to lớn khác trong việc cải tạo môi trường.

Nhưng cũng có thể có người lý luận rằng Nhà nước chỉ cần thu thuế là đủ rồi, sau đó đầu tư cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng bao nhiêu là quyền của Nhà nước, trên thế giới có nước nào tạo quỹ môi trường qua xăng dầu đâu? Vì vậy cần phân tích kỹ việc tạo quỹ môi trường để bảo vệ và phát triển rừng qua xăng dầu sẽ có lợi cho những ai và sẽ không có lợi cho những ai?

Trước hết ta nờn tởnh thử xem nếu làm như vậy thì ở Việt Nam hằng năm sẽ được bao nhiêu tiền và ở các nước công nghiệp phát triển thì sao? Hiện nay ở Việt Nam nhập khẩu và sử dụng xăng dầu hàng năm đã lên tới mức hơn 9 triệu tấn xăng dầu các loại, ta tạm tởnh phớ môi trường để bảo vệ và phát triển rừng cho mỗi tấn xăng dầu là 5 USD (tức là gần 80 đồng cho mỗi kg) sẽ được mỗi năm hơn 45 triệu USD (tức hơn 700 tỷ đồng).

Dựa vào số liệu về khai thác và tiêu dùng dầu thô năm 1998 trong sách “Số liệu Kinh tế - Xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới” do Tổng cục Thống kê phát hành tháng 12 năm 2002, và tính thử phí môi trường để bảo vệ và phát triển rừng cho mỗi tấn dầu thô tiêu dùng là 4,5 USD (do khi lọc dầu sẽ bị hao hụt bớt đi), đối với các nước công nghiệp phát triển sẽ được kết quả như sau:

Tình hình sản xuất và tiêu thụ dầu thô năm 1998 của các nước G7 + Nga

Nước	Sản xuất (1.000 tấn)	Tiêu dùng	Tính thử số tiền cần góp vào quỹ môi trường (1.000USD)
------	-------------------------	-----------	--

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

		(1.000 tấn)	(kg/người)	
Tổng số:	830.643	1.589.590		7.153.155
- Mỹ	308.367	764.707	2.790,6	3.441.182
- Nhật Bản	450	214.171	1.696,0	963.770
- Đức	2.934	108.560	1.325,4	488.520
- Pháp	1.698	90.127	1.535,0	405.572
- Anh	124.222	83.396	1.422,2	375.282
- Italy	5.600	90.764	1.581,4	408.438
- Canada	85.966	68.375	2.237,2	307.688
- Nga	301.406	169.490	1.149,6	762.705

Lượng xăng dầu tiêu dùng của các nước này sẽ tăng dần qua mỗi năm. Ta thấy lượng xăng dầu tiêu dùng và số tiền cần trích ra để góp vào quỹ môi trường của ta quá nhỏ bé so với các nước công nghiệp phát triển. Qua đó ta cũng thấy ngay là không dễ dàng gì, Mỹ và các nước công nghiệp phát triển khác lại bỏ ra hàng năm một số tiền khổng lồ là hơn 7,1 tỷ USD (trong đó riêng Mỹ hơn 3,4 tỷ USD) góp vào quỹ môi trường chuyên cho các nước nghèo để bảo vệ và phát triển rừng mà không kóms thòm điều kiện gì (nếu có được số lượng xăng dầu đã qua giai đoạn lọc dầu, nhập khẩu từ các nước khác thì số tiền phải đóng góp tính ra sẽ còn lớn hơn). Đồng thời cũng thấy được rằng chuyên gia kinh tế của các nước công nghiệp phát triển cũng không dại gì đã động đến chuyện trích quỹ môi trường qua xăng dầu. Đây là vấn đề rất mới, vì vậy ta cần phân tích xem làm như vậy ai sẽ là những người được lợi, ai sẽ là những người không có lợi? Xin đi vào những vấn đề cụ thể:

Lợi ích trước mắt của ta:

- Những người dân miền núi đang phải dựa vào rừng và đất rừng để sinh sống: Đối với rừng phòng hộ và rừng đặc dụng sẽ được trả công hàng năm tùy theo khả năng hấp thụ khí cacbonic (CO_2) và trả lại oxy (O_2) cho khụng khí, đối với rừng cú thòm tác dụng phòng hộ khác như chống xói mòn đất cho hồ thủy điện,... nên được trả thêm phần kinh phí do ngành thủy điện đóng góp,... Đối với những khu rừng đặc dụng có giá trị khoa học, văn hóa, lịch sử,... xin Nhà nước đầu tư bằng vốn nghiên cứu khoa học và các vốn

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

khác cho rõ ràng,... Đối với rừng sản xuất, ngoài tiền bán lâm sản, còn được thêm tiền từ quỹ môi trường trả vì trong những năm rừng khộp tồn, rừng cũng đã hấp thụ rất nhiều khí cacbonic (CO_2) và trả lại rất nhiều oxy (O_2) cho khung khí. Những người có khả năng được hưởng lợi nhiều nhất chính là những người sống trong những vùng đặc biệt khó khăn vì đây là những vùng đất rộng người thưa, diện tích rừng và đất rừng tính bình quân theo đầu người là lớn nhất. Như vậy chủ trương của Nhà nước về việc xóa đói giảm nghèo cho nhân dân miền núi, nhất là đối với những xã đặc biệt khó khăn sẽ có điều kiện thực hiện tốt hơn.

- Ngân sách của các tỉnh miền núi được tăng thêm một khoản đáng kể, giảm bớt được phần ngân sách Nhà nước cấp bù cho các tỉnh này.

- Việc đầu tư cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đỡ mang tiếng là trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, ngành Lâm nghiệp Việt Nam sẽ có thể có sân chơi bình đẳng với các ngành khác trong cơ chế thị trường. Việc vay vốn làm nghề rừng cũng sẽ không cần có sự ưu tiên ưu đãi nào, do đó việc quản lý kinh doanh của các Ngân hàng đối với nghề rừng cũng được đơn giản và thuận lợi hơn. Nguồn vốn cho Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng được trích ngay từ giá xăng dầu và tỷ lệ thuận với việc sử dụng xăng dầu, là cái đang làm tổn hại đến môi trường, hàng năm nguồn vốn này sẽ tiếp tục tăng lên một cách nhanh chóng. Như vậy Dự án mới có điều kiện thực hiện được đầy đủ mục tiêu Quốc hội đã thông qua.

- í thức về môi trường của người dân được nâng cao, không chỉ dừng lại ở việc chỉ nói đến một cách chung chung, mà được thể hiện một cách rất cụ thể: sử dụng xăng dầu phải trích một phần nhỏ kinh phí ra để góp vào quỹ môi trường vì việc này làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, ngược lại các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng được trả công từ quỹ môi trường vốn trực tiếp cải tạo môi trường.

- Ta cú thòm kinh nghiệm để mở rộng việc triển khai sang các hoạt động khác đang làm ô nhiễm bầu khí quyển của trái đất như sử dụng khí đốt, than đá,... để trả công cho các hoạt động khác cũng có tác dụng hấp thụ khí cacbonic (CO_2) và trả lại oxy (O_2) cho khung khí như trồng các loại cây

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

nông nghiệp, đặc biệt là các loại cây dài ngày. Các nước công nghiệp phát triển có chính sách trợ giá cho nông nghiệp, nhưng đối với các nước nghèo phải dựa vào nông nghiệp làm gì có tiền để trợ giá, nay thay vào đó ta có kinh phí để trả công cho những hoạt động nông nghiệp có ích cho môi trường.

Lợi ích lâu dài:

- Môi trường đang là vấn đề được toàn thế giới quan tâm, việc trả phí môi trường khắc phục được sự bất công đối với môi trường trong cơ chế thị trường, việc làm của ta sẽ được sự đồng tình ủng hộ của các nước nghèo và những tổ chức, những cá nhân quan tâm đến môi trường. Ngay cả những nước công nghiệp phát triển cũng không thể phản đối việc này vì họ luôn nói về tầm quan trọng của môi trường.

- Một số nước nghèo có thể sẽ có cách làm tương tự như ta. Các nước nghèo thấy đây là vấn đề rất thiết thực đối với đất nước của họ, họ có thể cùng nhau thống nhất đưa vấn đề này ra thảo luận tại các hội nghị quốc tế yêu cầu các nước công nghiệp phát triển hàng năm phải chuyển cho họ những khoản tiền rất lớn để bảo vệ, phát triển rừng nhằm đem lại môi trường trong lành cho hành tinh của chúng ta, đặc biệt là để bảo vệ, phát triển rừng ở những nước nhiệt đới, nơi mà rừng phát huy tác dụng mạnh mẽ nhất trong việc cải tạo môi trường toàn cầu. Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, mưa nhiều, cây rừng dễ trồng, dễ sống, phát triển mạnh mẽ, đa dạng sẽ là một trong những nước được hưởng lợi nhiều nhất.

Những nước bị thiệt hại:

Những nước bị thiệt hại nhiều nhất sẽ là những nước sử dụng nhiều xăng dầu, khí đốt, than đá,... đặc biệt là những nước công nghiệp phát triển. Tất nhiên là những nước này không dễ dàng gì hàng năm chuyển những khoản tiền khổng lồ hàng tỷ USD sang những nước nghèo. Nhưng môi trường đang là vấn đề quan tâm của toàn thế giới, bản thân họ cũng nói nhiều về tầm quan trọng của môi trường, việc trả phí môi trường khắc phục được sự bất công đối với môi trường trong cơ chế thị trường, các nước nghèo lại đồng tâm nhất trí nêu vấn đề này, nên họ sẽ dần dần phải có

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

những chuyển biến. Khi đó nhiều vấn đề sẽ được đặt ra như: khi tiêu dùng 1 tấn xăng dầu sẽ lấy mất của không khí bao nhiêu kg oxy (O_2) và sẽ thải ra không khí bao nhiêu kg cacbonic (CO_2), 1 ha rừng hằng năm có khả năng hấp thụ bao nhiêu kg cacbonic (CO_2) và sẽ trả lại cho không khí bao nhiêu kg oxy (O_2), khả năng đó của rừng sẽ như thế nào đối với từng vùng khí hậu và từng loại cây, vấn đề trả nợ cho môi trường trong thời gian trước ra sao?,... Tất nhiên là họ có thể đề nghị trích phớ môi trường ngay từ khi khai thác dầu thô, khí đốt, than đá,... để chuyển gánh nặng này sang các nước giàu tài nguyên, đặc biệt là các nước vùng Trung Đông. Nhưng việc làm đó cũng sẽ dẫn đến kết quả là giá bán xăng dầu, khí đốt, than đá,... trên toàn thế giới bị đội lên và người phải gánh chịu hậu quả chính là những người tiêu dùng, chủ yếu nằm tại những nước sử dụng nhiều xăng dầu, khí đốt, than đá,... đặc biệt là những nước công nghiệp phát triển

PHẦN III: NHỮNG YẾU TỐ CHI PHỐI GIÁ DẦU TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Cuối năm 2004, các cơ quan nghiên cứu dầu mỏ thế giới dự báo giá dầu thô năm 2005 sẽ ở mức như năm trước hoặc có thể thấp hơn một ít. Tuy nhiên, thực tế trong những tuần cuối tháng 3/2005, giá dầu lại đột ngột vượt trên ngưỡng 55 USD/thùng và còn có thể tăng lên hơn con số đó. Điều này càng kích thích các nhà phân tích kinh tế quan tâm nhiều hơn đến thị trường dầu mỏ thế giới năm 2005.

Dầu mỏ là một mặt hàng chiến lược nên giá cả phụ thuộc rất nhiều yếu tố. Năm 2004, giá dầu thô chuẩn thế giới cú lýt đó lên đến 50 USD/thùng nhưng các nhà phân tích kinh tế thế giới tin rằng giá dầu sẽ giảm.

Lý do để có niềm hy vọng đó là công nghệ tìm kiếm, thăm dò, khai thác đó cú những tiến bộ kỳ diệu giúp cho chi phí hoạt động dầu khí giảm, hiệu quả thành công tăng cao, đặc biệt là công nghệ vùng nước sâu mở ra một triển vọng rất sáng sủa để tăng trữ lượng xác minh cũng như công nghệ khai thác và chế biến dầu nặng, dầu bitum giúp tăng sản lượng dầu đáng kể.

Bên cạnh đó, tình hình chính trị thế giới cũng đã bớt căng thẳng, tuy còn rất khó khăn nhưng Mỹ hình như đang ổn định được tình hình ở Iraq và Trung Đông, nơi cung cấp dầu chính cho thị trường các nước OECD.

Các kho dầu dự trữ chiến lược của các nền kinh tế lớn đã tương đối đầy đủ và nhu cầu dầu của thế giới phương Tây không tăng hơn trước,

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

riêng Nhật Bản lại giảm. Nhu cầu của các nước đang phát triển vẫn tăng mạnh nhưng Trung Quốc đó cú những biện pháp để hạ nhiệt cho một nền kinh tế phát triển quở núng.

Vì sao giá dầu trong những năm gần đây lại chưa giảm

Các căn cứ để dự báo giá dầu giảm trong năm 2005 nói chung là đúng nhưng mức độ chính xác trong việc đánh giá các yếu tố chi phối giá lại chưa cao.

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ trước, mức tăng nhu cầu hàng năm trung bình của thế giới đối với dầu thô là 1,5% nên mức gia tăng nhu cầu năm 2005 được cho là 2,2% mặc dù năm 2004 con số đó đã là 3,4%. Riêng mức gia tăng nhu cầu của Trung Quốc năm 2005 dự báo sẽ là 6,3%, thấp hơn 2,5 lần so với mức gia tăng của nước này trong năm 2004 (16%).

Mức tăng GDP của Trung Quốc năm 2005 theo kế hoạch là khoảng 9%, như vậy theo kinh nghiệm từ các nước đang phát triển, mức gia tăng nhu cầu dầu cũng sẽ xấp xỉ con số đó hoặc thậm chí là 10-11%.

Giá dầu cao thông thường thúc đẩy các công ty dầu khí quốc tế tăng cường đầu tư cho thăm dò, khai thác. Tuy nhiên, mức độ đầu tư này lại rất thấp so với mong đợi vì lợi nhuận đầu tư giảm so với các ngành kinh doanh khác trong lúc rủi ro vẫn còn cao, đặc biệt là ở vùng nước sâu và ở những khu vực chính trị đầy bất ổn. Một công cụ để kiểm soát giá dầu trên thị trường là công suất dự phòng của OPEC.

Theo tuyên bố của khối này thì công suất dự phòng là khoảng 2 triệu thùng/ngày và họ sẵn sàng tăng sản lượng khi có nhu cầu hạ nhiệt giá dầu. Tuy nhiên, theo nhiều nguồn tin trong thế giới dầu khí thì công suất dự phòng thực tế chỉ khoảng 1 triệu thùng/ngày trong lúc lợi ích trực tiếp mà OPEC đang bảo vệ là giữ giá dầu cao, vượt xa khung giá mà họ đã tuyên bố chính thức (22-28 USD/thùng). Người ta cũng hy vọng sản lượng các nước ngoài OPEC sẽ tăng cao khi giá dầu tăng nhưng khả năng của những nước này rất hạn chế.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Nga là nước có tiềm năng lớn nhất nhưng hệ thống đường ống dẫn dầu còn thiếu cộng thêm với quan hệ giữa Nga, Mỹ và EU chưa cải thiện cũng như nội bộ ngành dầu khí Nga đang trong quá trình tổ chức lại nên lượng dầu Nga tham gia vào thị trường thế giới còn rất thấp.

Năm 2003, mức gia tăng sản lượng của Nga là 12%, sang tháng Giêng năm 2004 chỉ là 10% và đến tháng 12/2004 lại giảm chỉ còn 6%. Sản lượng dầu của các nước ở biển Bắc, Australia và các nước ngoài OPEC ở Trung Đông cũng giảm.

Tình hình chính trị ở Iraq vẫn chưa có gì sáng sủa trong lúc sự căng thẳng giữa Mỹ và Iran, Syri lại gia tăng. Nigeria, Venezuela, hai nước có sản lượng trên 2 triệu thùng/ngày cũng chưa ổn định. Tất cả những điều đó làm cho kế hoạch gia tăng sản lượng không thực hiện được.

Thời tiết mùa đông vừa qua cũng không thuận lợi, rét đậm kéo dài, các cơn bão tàn phá các công trình dầu khí ở vịnh Mexic và mùa du lịch hè sắp đến gần cũng làm cho nhu cầu dầu gia tăng, thị trường không có thời gian để điều chỉnh cán cân cung cầu.

Tóm lại, mức cầu tiếp tục gia tăng, mức cung lại không theo kịp như dự báo làm cho tâm lý lo lắng an ninh năng lượng tăng, đẩy mạnh hoạt động đầu cơ, tích trữ và giá dầu lại tiếp tục tăng.

Triển vọng thị trường đến cuối năm 2005 sẽ ra sao?

Với tình hình an ninh thế giới như hiện nay, kết hợp với những khó khăn trong bản thân ngành dầu khí, vấn đề dự báo giá dầu trong thời gian tới gặp rất nhiều khó khăn vì xác suất của các chiều hướng gần như nhau.

Tuy các tiến bộ khoa học công nghệ rất lớn lao nhưng trạng thái trữ lượng dầu trong lòng đất chuyển sang giai đoạn cạn kiệt là một thực tế khách quan. Sản lượng dầu phụ thuộc vào các mỏ khổng lồ đến 80% nhưng số lượng mỏ loại này được phát hiện mới ngày càng giảm nhanh chóng. Mấy năm đầu của thế kỷ 21 còn tìm thấy mỗi năm một vài mỏ nhưng từ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

năm 2003 đến nay không có thêm một mỏ nào, trong lúc các mỏ đang khai thác thì đều chuyển sang giai đoạn trưởng thành.

Nhu cầu dầu của thế giới, đặc biệt ở những nước đang phát triển đông dân số vẫn tăng với tốc độ cao. Dân số thế giới mỗi ngày tăng thêm 1/4 triệu người, mức sống được cải thiện làm cho nhu cầu xăng dầu cho vận tải, cho điện hoặc hàng nghìn loại hàng hóa, từ phân bón, vải sợi, chất tẩy rửa, thuốc men, đồ nhựa sản xuất từ nguyên liệu dầu khí tiếp tục tăng cao. Môi trường tự nhiên bị phá hủy nghiêm trọng làm nên diễn biến thời tiết như giá rét, nắng hạn, bão tố v.v..., trở nên rất phức tạp.

Nền kinh tế thế giới đang vận hành dựa trên cơ sở năng lượng dầu khí không thể chuyển đổi trong một thời gian ngắn, trong lúc các nguồn năng lượng tái tạo ít nhất cũng cần vài ba chục năm nữa mới có thể đi vào cuộc sống. Do đó, việc giành giật nguồn tài nguyên dầu khí xuất phát từ các nước lớn càng tăng, đẩy cả thế giới đến miệng hố của những tai họa vũ lực. Đó là những yếu tố chủ yếu làm cho giá dầu tăng trong viễn cảnh dài hạn là khó tránh khỏi.

Tuy nhiên, tương lai không phải quá ảm đạm như thế. Trữ lượng dầu khí toàn thế giới hiện còn khoảng 1.000 tỷ thùng đó được phát hiện và 5.500 tỷ feet khối khí đốt chưa khai thác, tức là với mức nhu cầu hiện nay, dầu khí còn đủ dùng cho 40-50 năm nữa. Bản thân thị trường cũng có một sức mạnh điều chỉnh cán cân cung cầu nhất định, và trong điều kiện xã hội hiện nay, không phải các nước chỉ cần sức mạnh là giải quyết được mọi vấn đề trong quan hệ quốc tế.

Tổng sản lượng dầu thô năm 2005 theo tính toán của giới kỹ thuật sẽ là 85,6 triệu thùng/ngày, trong đó các nước ngoài OPEC chiếm 51 triệu thùng/ngày, điều đó cho thấy vai trò quyết định giá của OPEC là có giới hạn.

Tổng nhu cầu dầu năm 2005 toàn thế giới dự báo sẽ là 84 triệu thùng/ngày, như vậy cung vẫn đáp ứng được cầu. Trong xu thế chung, khí đốt sẽ tiến dần đến vị trí chủ đạo trong quan hệ dầu/khí và than đá, thủy

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

điện, gió, điện mặt trời, năng lượng sinh học, năng lượng sóng, thủy triều, địa nhiệt v.v..., có vai trò ngày một lớn.

Và giá dầu quá cao không phải chỉ đem lại thu nhập cao cho các nước sản xuất dầu lớn mà cũng mang lại những thiệt hại kinh tế cho họ vì họ là những nước nhập khẩu gần như toàn bộ các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp với giá tăng cao tỷ lệ thuận với giá dầu.

Từ những yếu tố nêu trên, giá dầu thô năm 2005 dự báo sẽ có nhiều thăng giáng trong những chu kỳ ngắn nhưng mức giá trung bình cả năm sẽ dao động quanh con số 40 USD/thùng. Chú ý đến hệ số lạm phát và sự mất giá của đồng USD, mức giá nói trên thật ra không cao hơn giá dầu thô trong các thập kỷ trước.

Nhiều nhà kinh tế cho rằng giá dầu cao trong những giới hạn nhất định không hẳn làm cho kinh tế thế giới suy sụp mà ngược lại vẫn có tác dụng tích cực. Dù sao thì giá dầu cao cũng ảnh hưởng trực tiếp đến các nước nghèo, kém phát triển hoặc mới phát triển.

Do đó, các biện pháp tiết kiệm năng lượng, đa dạng hóa các nguồn năng lượng, đặc biệt là sử dụng các nguồn nội địa và có một chiến lược an ninh năng lượng dài hạn là những việc làm thiết thực để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực do giá dầu cao gây ra.

PHẦN IV: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LUẬT DẦU KHÍ

Đề bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên dầu khí nhằm phát triển kinh tế quốc dân, mở rộng hợp tác với nước ngoài; Căn cứ vào các điều 17, 29 và 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Toàn bộ tài nguyên dầu khí trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước Việt Nam thống nhất quản lý.

Điều 2

Nhà nước Việt Nam khuyến khích các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư vốn, công nghệ để tiến hành các hoạt động dầu khí trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn đầu tư, tài sản và các quyền lợi hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tiến hành các hoạt động dầu khí ở Việt Nam.

Điều 3

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Dầu khí" là dầu thô, khí thiên nhiên và hydrocarbon ở thể khí, lỏng, rắn hoặc nửa rắn trong trạng thái tự nhiên, kể cả sulphur và các chất tương tự khác kèm theo hydrocarbon nhưng không kể than, đá phiến sét, bitum hoặc các khoáng sản khác có thể chiết xuất được dầu.

2. "Dầu thô" là hydrocarbon ở thể lỏng trong trạng thái tự nhiên, asphalt, ozokerite và hydrocarbon lỏng thu được từ khí thiên nhiên bằng phương pháp ngưng tụ hoặc chiết xuất.

3. "Khí thiên nhiên" là toàn bộ hydrocarbon ở thể khí, khai thác từ giếng khoan, bao gồm cả khí ẩm, khí khô, khí đầu giếng khoan và khí còn lại sau khi chiết xuất hydrocarbon lỏng từ khí ẩm.

4. "Hoạt động dầu khí" là hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí, kể cả các hoạt động phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này.

5. "Hợp đồng dầu khí" là văn bản ký kết giữa Tổng công ty dầu khí Việt Nam với tổ chức, cá nhân để tiến hành hoạt động dầu khí.

6. "Dịch vụ dầu khí" là các hoạt động liên quan đến tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí do Nhà thầu phụ tiến hành.

7. "Lô" là một diện tích, giới hạn bởi các tọa độ địa lý, được phân định để tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí.

8. "Nhà thầu" là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài, được phép tiến hành hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

9. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài ký kết hợp đồng với Nhà thầu hoặc Xí nghiệp liên doanh dầu khí để thực hiện các dịch vụ dầu khí.

10. "Xí nghiệp liên doanh dầu khí" là Xí nghiệp liên doanh được thành lập trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc trên cơ sở Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam với Chính phủ nước ngoài.

PHẦN V: CƠ SỞ LÝ THUYẾT XÂY DỰNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG THU TỪ DẦU THÔ

Theo thống kê, nếu so với thế giới thì sản lượng dầu khí của VN chiếm khoảng 0,3%. Còn so với các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương thì VN đứng thứ 6/15 quốc gia về sản lượng, đạt khoảng 350.000 thùng/ngày. Về sản lượng tính theo đầu người, VN đạt 4,5 thùng/ngày, đứng thứ 7/15 quốc gia. Trong công tác thăm dò, hiện nay VN đã xác định được 8 bể trầm tích có khả năng chứa dầu với tổng diện tích gần 1 triệu km², có tổng trữ lượng dự báo khoảng 4 tỉ tấn dầu tương đương (bao gồm cả khí thiên nhiên). Trữ lượng dự báo là như vậy nhưng thực tế, trữ lượng xác minh của ta chỉ khoảng 1 tỉ tấn dầu quy đổi.

Đã xác định tiềm năng và trữ lượng dầu khí của Việt Nam khoảng 3 - 4 tỷ m³ dầu quy đổi, trong đó 0,9 - 1,2 tỉ m³ dầu và 2100 - 2800 tỷ m³ khí. Năm 2003 đó thóc 17,6 triệu tấn dầu thô và 2,17 tỷ m³ khí; xuất khẩu dầu thô đạt 17,143 triệu tấn. Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn với công suất tối đa 7 tỷ m³ khí/năm đó hoàn thành vào cuối năm 2002, đưa dầu khí đầu tiên vào bờ.

Theo các chuyên gia, trong bối cảnh nước ta chưa có nền công nghiệp lọc dầu, những năm tới chỉ nên dừng lại ở mức khai thác 20 triệu tấn/năm. Nếu khai thác tràn lan, sản lượng dầu khí sẽ cạn kiệt mà lượng ngoại tệ thu về cho ngân sách không lớn.

Đối với Việt Nam, khai thác dầu khí là ngành công nghiệp lớn, chủ lực trong nền kinh tế không chỉ ở vị trí quan trọng đầu tàu của nó đối với các ngành kinh tế khác, mà còn ở khả năng đóng góp số thu lớn cho Ngân sách

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

nhà nước. Từ năm 1991 đến 2003, ngành công nghiệp dầu khí không ngừng phát triển và lớn mạnh. Năm 1992-1993, GDP trong ngành công nghiệp dầu khí chỉ khoảng 5000 tỷ đồng, nhưng đến năm 2003 đã tăng lên tới 38000 tỷ đồng. Tuy công nghiệp dầu khí còn chiếm tỷ trọng khá khiêm tốn trong tổng GDP (năm 1992 khoảng 4% và năm 2003 mới tăng lên trên 6%), nhưng nếu xem xét trên khía cạnh đóng góp vào thu ngân sách nhà nước thì có thể nó đây là ngành có số thu lớn nhất trong tất cả các ngành kinh tế ở Việt Nam cho tới thời điểm này. Cụ thể, năm thấp nhất (1995) thu dầu khí đã chiếm 11,4% tổng thu Ngân sách nhà nước và năm 2000 có đóng góp cao nhất là 26%. Những năm gần đây (2001-2003) sẽ thu từ dầu mỏ thường chiếm khoảng 24-25% tổng thu Ngân sách nhà nước. Số liệu thống kê phản ánh tổng quan việc khai thác và kinh doanh của ngành công nghiệp dầu khí 1991-2003 như sau:

	SL.DAU (nghìn Tấn)	GIADAU (USD/tấn)	TYGIA (Đ/USD)	THUDAU (tỷ đồng)	THUNS	GDP (tỷ đồng)	GDPDK (tỷ đồng)
1991	4.000	148.0	9.080	1.942	10.353	72.620	
1992	5.500	140.0	11.209	4.238	21.023	110.532	5.150
1993	6.300	137.0	10.850	5.104	32.199	140.258	5.562
1994	7.100	125.0	11.026	5.104	41.440	178.534	6.901
1995	7.652	134.0	11.536	6.065	53.374	228.892	7.826
1996	8705	155.0	12.340	7.323	62.387	272.037	10.622
1997	9574	148.0	12.470	8.855	65.352	313.624	11.965
1998	12145	101.0	13.205	8.584	70.612	361.016	10.412
1999	14882	141.0	13.970	12.459	78.489	399.942	21.360
2000	15.423.5	227.1	14.139.0	23.534	90.749	441.600	31.893
2001	16.731.6	186.8	14.770.0	26.281	104.357	481.295	30.453
2002	16.878.7	193.8	15.234.0	26.510	113.967	535.762	33.318
2003	17.142.5	222.9	15.463.0	25.829	138.311	605.586	38.349

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Trong đó: GDP là tổng thu nhập quốc dân tho giá hiện hành
GDPDK là GDP ngành dầu khí
THUNS là tổng thu Ngân sách nhà nước
THUDAU là thu từ công nghiệp dầu khí
SLDAU là sản lượng dầu khai thác và bản
GIADAU là giá dầu tính theo USD/tấn
TYGIA là tỷ giá đồng Việt Nam/USD

Từ bảng số liệu trên, nếu nghiên cứu kỹ hơn, thì thấy rằng thu từ dầu khí phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, như: sản lượng dầu khai thác hàng năm, giá dầu thô bán ra, tỷ giá đồng Việt Nam và ngoại tệ (đô la Mỹ) và những quy định về thu đối với khai thác và kinh doanh dầu khí. Mỗi một biến động nhỏ của các yếu tố trên cũng sẽ tác động trực tiếp tới thu ngân sách từ dầu khí. Tình hình biến động (tăng, giảm so năm trước) của các yếu tố: sản lượng dầu khai thác, giá dầu, tỷ giá và thu ngân sách nhà nước hàng năm được biểu thị qua biểu đồ sau:

Những yếu tố tác động tới thu của ngành công nghiệp dầu khí trên đây, biến động theo thời gian, phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế xã hội nhất định, đặc biệt là giá dầu. Trên thị trường xăng dầu thế giới, giá dầu trong thời gian qua biến động lên xuống từng ngày và những thông tin về sự thay đổi của giá dầu thô đã tác động không nhỏ tới tình hình kinh tế xã hội thế giới. Điều đó cũng Ứt nhiều ảnh hưởng tới tăng trưởng và phát triển của kinh tế Việt Nam.

Vai trò của thu từ dầu thô đối tăng trưởng, phát triển kinh tế và với thu ngân sách nhà nước đã được khẳng định và thừa nhận. Tuy nhiên, đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách thì vấn đề quan trọng hơn nữa là phải đánh giá tác động của từng nhân tố: sản lượng dầu khai thác, giá dầu và tỷ giá tới tổng thu từ dầu khí bằng định lượng. Hay nói cách khác là cần thiết phải chỉ ra được mức độ tác động của từng nhân tố tới thu từ dầu khí để từ đó có thể đề xuất những chính sách thích hợp trong công tác quản lý. Thực ra, trong suốt giai đoạn vừa qua, các cơ quan quản lý, các nhà hoạch định chính sách cũng đã sử dụng nhiều phương pháp phân tích, đánh giá để tìm ra mối liên hệ định lượng chính xác này. Song do hạn chế về dữ liệu, về kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu nên những kết quả đem lại đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu. Do vậy, để có thêm một cách thức mới trong phân

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

tích dự báo thu ngân sách nhà nước từ công nghệ dầu khí, trong đợt thực tập này em xin giới thiệu việc sử dụng phương pháp mô hình kinh tế lượng dự báo thu từ dầu thô. Mô hình lý thuyết như sau:

$$THUDAU = f(SLDAU, GIADAU, TYGIA)$$

Với: THUDAU là thu từ công nghiệp dầu khí
SLDAU là sản lượng dầu khai thác và bán
GIADAU là giá dầu tính theo USD/tấn
TYGIA là tỷ giá đồng Việt Nam/USD

PHẦN VI: PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU

Sau khi xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến thu ngân sách Nhà nước từ dầu thô và tiến hành các kiểm định giả thiết về dạng hàm, mô hình được chọn có dạng như trên.

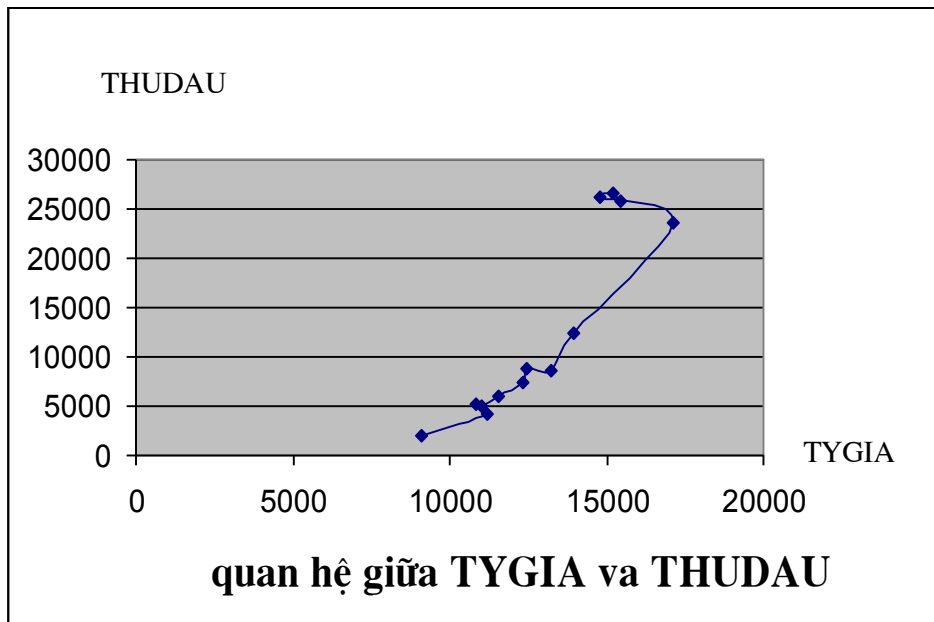
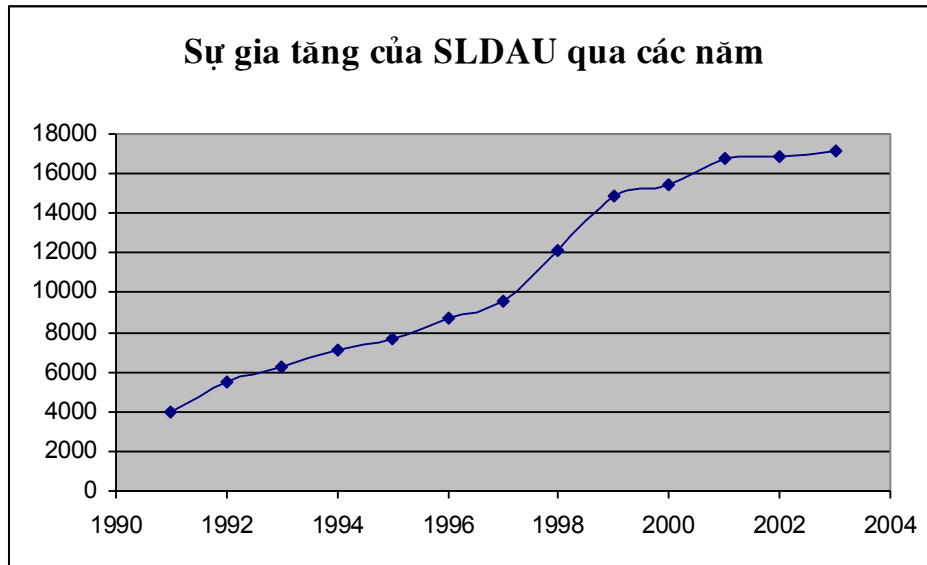
1. Mô hình

$$THUDAU = f(SLDAU, GIADAU, TYGIA)$$

Với: THUDAU là thu từ công nghiệp dầu khí
SLDAU là sản lượng dầu khai thác và bán
GIADAU là giá dầu tính theo USD/tấn
TYGIA là tỷ giá đồng Việt Nam/USD

2. Mô tả số liệu

Nguồn số liệu thu thập được từ niên giám thống kê hàng năm.



Từ biểu đồ trên ta nhận thấy rằng thu từ công nghiệp dầu khí (THUDAU) có mối quan hệ chặt chẽ với TYGIA. Khi TYGIA tăng đến một mức tới hạn nào đó thì tổng thu từ ngành công nghiệp dầu khí sẽ giảm. Từ đây ta rút ra một kết luận là Nhà nước cần có biện pháp điều chỉnh và kiểm soát TYGIA một cách chặt chẽ và phù hợp để từ đó nâng cao hiệu quả thu từ ngành công nghiệp dầu khí.

3. Kết quả ước lượng

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Kiểm định phương trình bằng phần mềm EVIEWS và trên cơ sở dữ liệu thống kê từ 1991-2003, cho kết quả như sau:

Dependent Variable: LOG(THUDAU)

Method: Least Squares

Date: 05/04/05 Time: 20:26

Sample: 1991 2003

Included observations: 13

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-12.31952	5.421860	-2.272193	0.0492
LOG(SLDAU)	1.225800	0.300672	4.076871	0.0028
LOG(GIADAU)	0.717954	0.242234	2.963880	0.0159
LOG(TYGIA)	0.694057	0.913109	0.760103	0.4666
R-squared	0.979223	Mean dependent var		9.134929
Adjusted R-squared	0.972298	S.D. dependent var		0.828077
S.E. of regression	0.137825	Akaike info criterion		-0.877998
Sum squared resid	0.170963	Schwarz criterion		-0.704167
Log likelihood	9.706986	F-statistic		141.3920
Durbin-Watson stat	1.494300	Prob(F-statistic)		0.000000

Mô hình hồi quy mẫu:

$$\text{Log(THUDAU)} = -12.319 + 1.225 * \log(\text{SLDAU}) + 0.717 * \log(\text{GIADAU}) + 0.694 * \log(\text{TYGIA})$$

Từ các hệ số kỹ thuật kết quả kiểm định cho thấy, chất lượng mô hình là tương đối tốt, các biến đều được chấp nhận với xác suất tương đối cao. Với kết quả các thông số trên cho chúng ta biết rằng:

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

- Cứ 1% tăng lên của sản lượng dầu khai thác sẽ làm cho thu ngân sách từ ngành dầu khí tăng 1.225%.

- Cứ 1% tăng lên của giá dầu thô trên thị trường thế giới sẽ làm cho thu ngân sách từ ngành dầu khí tăng 0,717%.

- Cứ 1% tăng lên của tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đô la mỹ sẽ làm cho thu ngân sách từ ngành dầu khí tăng 0.694%

$$DW = 1.494$$

$R^2 = 0.979223$ khá cao chứng tỏ các biến độc lập giải thích được 97.9223% sự thay đổi của các biến phụ thuộc, do đó các biến đưa vào mô hình là hoàn toàn phù hợp.

4. Kiểm định các khuyết tật của mô hình

Kiểm định các khuyết tật của mô hình bằng các thủ tục cơ bản trong eviews cho ta thấy mô hình khá tốt.

White Heteroskedasticity Test:

F-statistic	3.713810	Probability	0.067671
Obs*R-squared	10.24215	Probability	0.114818

Test Equation:

Dependent Variable: RESID^2

Method: Least Squares

Date: 05/05/05 Time: 13:10

Sample: 1991 2003

Included observations: 13

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	23.39530	13.64034	1.715155	0.1371
LOG(SLDAU)	-0.720784	0.490361	-1.469906	0.1920
(LOG(SLDAU))^2	0.040307	0.026091	1.544868	0.1733
LOG(GIADAU)	2.152476	0.697141	3.087575	0.0215
(LOG(GIADAU))^2	-0.220142	0.070816	-3.108638	0.0209
LOG(TYGIA)	-5.435555	3.353365	-1.620926	0.1562
(LOG(TYGIA))^2	0.290480	0.176766	1.643302	0.1514
R-squared	0.787857	Mean dependent var		0.013151
Adjusted R-squared	0.575715	S.D. dependent var		0.013822
S.E. of regression	0.009003	Akaike info criterion		-6.278783
Sum squared resid	0.000486	Schwarz criterion		-5.974579
Log likelihood	47.81209	F-statistic		3.713810
Durbin-Watson stat	2.487800	Prob(F-statistic)		0.067671

Ramsey RESET Test:

F-statistic	0.875933	Probability	0.376705
Log likelihood ratio	1.350725	Probability	0.245151

Test Equation:

Dependent Variable: LOG(THUDAU)

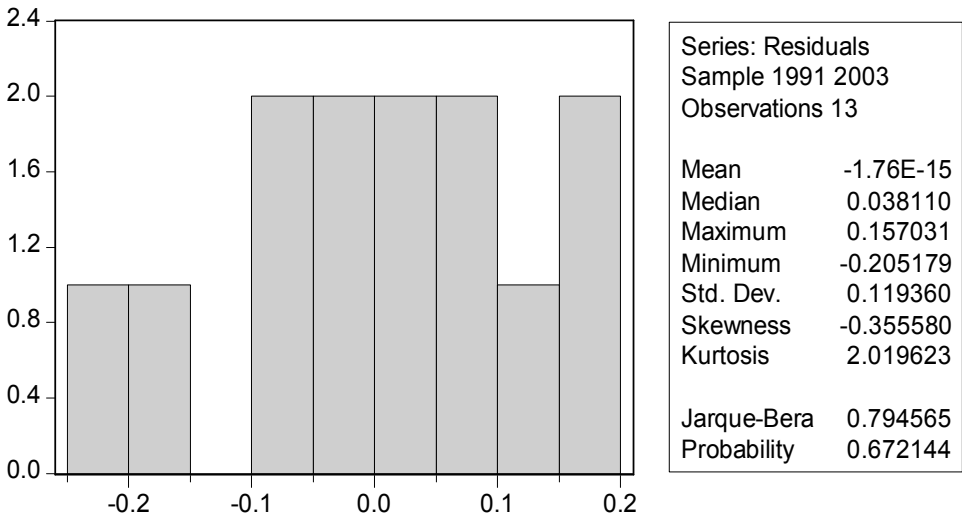
Method: Least Squares

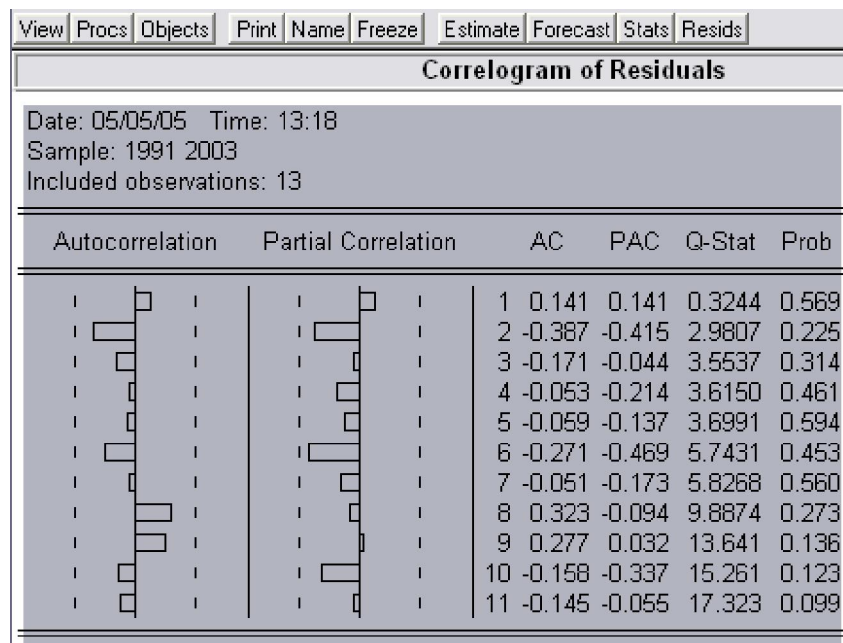
Date: 05/05/05 Time: 13:11

Sample: 1991 2003

Included observations: 13

Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-43.76441	34.03879	-1.285722	0.2345
LOG(SLDAU)	3.584277	2.538097	1.412190	0.1956
LOG(GIADAU)	2.347338	1.757961	1.335261	0.2185
LOG(TYGIA)	1.793642	1.491900	1.202254	0.2636
FITTED^2	-0.105331	0.112543	-0.935913	0.3767
R-squared	0.981274	Mean dependent var		9.134929
Adjusted R-squared	0.971910	S.D. dependent var		0.828077
S.E. of regression	0.138785	Akaike info criterion		-0.828054
Sum squared resid	0.154091	Schwarz criterion		-0.610765
Log likelihood	10.38235	F-statistic		104.8011
Durbin-Watson stat	1.561913	Prob(F-statistic)		0.000001





Từ lược đồ trên cho biết phần dư của mô hình ở trên là nhiễu trắng. Do đó chuỗi là chuỗi dừng, hàm hồi quy không giả mạo, các ước lượng có ý nghĩa thống kê.

5. Kiểm tra khả năng dự báo của mô hình

Trên cơ sở kết quả kiểm định, lập mô hình và dự báo thử để kiểm tra chất lượng của mô hình. Cụ thể cho kết quả như sau:

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Obs	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001
THUDAU	1942	4238	5104	5104	6065	7323	8855	8584	12459	23534	26281
THUDAUF	2222	4257	4362	4632	5690	8090	8616	8815	14958	22542	22757
	14,4	0,4	-14,5	-7,6	-6,2	10,5	-2,7	2,7	20,1	-4,2	-13,4

Từ kết quả dự báo thử trên cho thấy năm dự báo có sai số nhỏ nhất là năm 1992 với sai số là 0,4% và năm có sai số lớn nhất là năm 1991 với sai số là 14,4%. Như vậy với những diễn biến phức tạp của tỷ giá, giá dầu trên thị trường thế giới và độ chính xác tương đối của các số liệu thống kê hiện có thì với sai số như trên, có thể sử dụng mô hình dự báo thu ngân sách nhà nước từ ngành công nghiệp khai thác và kinh doanh dầu khí.

6. Dự báo theo một số phương án giả định

Để tiến hành dự báo, cần thiết phải đặt ra các giả định. Mỗi một giả định tương ứng với một phương án dự báo. Mô hình này có thể sử dụng dự báo theo rất nhiều phương án, song trong phạm vi bài viết này xin dự báo cho năm 2004 và 2005 theo 5 phương án sau như sau:

Phương án 1 (PA1), không có thay đổi về sản lượng dầu, giá dầu và tỷ giá trong năm 2004 và 2005 so với năm 2003.

Phương án 2 (PA2), sản lượng dầu khai thác năm 2004 và 2005 tăng 2%.

Phương án 3 (PA3), giá dầu năm 2004 tăng từ 222 USD/tấn lên 270USD/tấn (tăng 48 USD/tấn, bằng 21,6%) và năm 2005 tăng từ 270USD/tấn lên 280USD/tấn (bằng 3,7%).

Phương án 4 (PA4), tỷ giá năm 2004 tăng từ 15463 đồng/USD lên 15780 (tăng 317 đồng/USD, bằng 2,05%) và năm 2005 tăng từ 15780 lên 16253 đồng/USD (tăng 3%).

Phương án 5 (PA5), tất cả các nhân tố: sản lượng dầu, giá dầu và tỷ giá cùng thay đổi như trên.

Với những giả định trên, kết quả dự báo theo các phương án như sau:

THUDAU	2004	2005
PA1 (gốc)	29131	29131
PA2 (SI dầu)	29593	30062

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

PA2-PA1	466	931
PA3 (giá dầu)	33624	34552
PA3-PA1	4493	5421
PA4 (tỷ giá)	30387	32312
PA4-PA1	1256	3181
PA5 (tất cả thay đổi)	35629	39550
PA5-PA1	6498	10419

Số liệu từ bảng trên cho thấy, nếu không có gì thay đổi về sản lượng, giá và tỷ giá so với năm 2003 (PA1) thì số thu về dầu thô năm 2004 và 2005 sẽ là 29131 tỷ đồng.

Trường hợp có sự thay đổi về sản lượng khai thác (PA2-tăng 2%/mỗi năm) thì năm 2004 thu từ dầu sẽ là 29593 tỷ đồng (tăng 462 tỷ đồng) và năm 2005 sẽ là 300662 tỷ đồng (tăng 931 tỷ đồng).

Trường hợp có thay đổi về tỷ giá (PA4) như giả định trên thì, năm 2004 thu từ dầu thô là 30387 tỷ đồng (tăng 1256 tỷ đồng so PA1) và năm 2005 sẽ thu là 32312 tỷ đồng (tăng 3181 tỷ đồng so phương án 1).

Trường hợp tất cả các yếu tố đều thay đổi như giả định trên (PA5) thì thu từ dầu thô năm 2004 là 35629,5 tỷ đồng (tăng so PA1 là 6498 tỷ đồng) và năm 2005 sẽ thu là 39550 tỷ đồng (tăng so PA1 là 10419 tỷ đồng).

7. Nhận xét và kết luận

Mô hình trên đây đã giới thiệu một phương pháp dự báo nhanh sẽ thu của ngành công nghiệp dầu khí. Với các phương án dự báo, mô hình đã chỉ rõ mức độ tác động cụ thể của các nhân tố: sản lượng, giá dầu thô trên thị trường thế giới và tỷ giá tới thu từ dầu thô. Mô hình đã cho kết luận dự báo của 2004 và 2005 là:

Về sản lượng, khi khai thác tăng thêm 1000 tấn dầu thô thì thu từ dầu khí sẽ tăng lên: 1,36 tỷ đồng.

Về giá dầu, khi giá dầu trên thị trường thế giới tăng thêm 1 USD/thùng trong điều kiện sản lượng và tỷ giá như năm 2003, thì thu ngân sách từ dầu thô sẽ tăng là 95,4 tỷ đồng.

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

Còn khi tỷ giá đồng Việt Nam so USD tăng 100 đồng/1USD thì thu từ dầu khí sẽ tăng khoảng 419 tỷ đồng (với điều kiện sản lượng dầu thô khai thác và giá dầu như năm 2003).

Như vậy, mô hình đã đưa ra một cách thức mới, góp thêm vào hệ thống các phương pháp đã và đang áp dụng hiện nay trong phân tích dự báo các yếu tố tác động tới thu từ dầu khí, giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và điều hành ngân sách nhà nước tham khảo để có thể có các quyết định hợp lý và có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Dầu khí là tiền đề và là nguồn năng lượng, nguyên liệu chủ yếu và quan trọng để nước ta phát triển thêm nhiều ngành công nghiệp mới với công nghệ tiên tiến, hiện đại để đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp trong những năm 20 của thế kỷ này.

Đồng thời với việc tiếp tục đẩy mạnh công tác thăm dò, khai thác dầu khí, phát triển đồng bộ các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khỏc thờ việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm Nhà nước về dầu khí sẽ tạo ra những cơ sở vững chắc để thực hiện mục tiêu chiến lược của Tổng Công ty, xây dựng Tổng Công ty thành tập đoàn công nghiệp – thương mại – tài chính hoạt động đa ngành ở trong nước và nước ngoài, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước.

Một vấn đề quan trọng mà ngành dầu khí hết sức quan tâm đó là tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch và tổ chức các đơn vị dịch vụ trên cơ sở xác định rõ mục tiêu phát triển để đầu tư có trọng tâm các loại hình dịch vụ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

trong thời gian trước mắt và lâu dài. Xây dựng kế hoạch và lộ trình cụ thể trong công tác đổi mới doanh nghiệp, cổ phần hoá các đơn vị thành viên theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút các nguồn lực để mở rộng phát triển, đặc biệt là lĩnh vực dịch vụ dầu khí. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng xác định phải đổi mới công tác điều hành hoạt động nhằm tạo sự đoàn kết nhất trí cao đồng thời tạo sự chủ động cho các đơn vị thành viên trong việc thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ được giao trên cơ sở phối hợp hoạt động, tận dụng thế mạnh của các đơn vị khác trong ngành. Và một yêu cầu không kém phần quan trọng đó là tích cực phối hợp làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước trình Chính phủ và Bộ Chính trị xem xét và sớm phê duyệt Chiến lược phát triển ngành dầu khí đến năm 2015 và định hướng phát triển đến năm 2025 làm cơ sở để Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam triển khai các kế hoạch phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Với mô hình đã được trình bày ở trên đã cho chúng ta cách dự báo nhanh nguồn thu ngân sách từ dầu thô. Mô hình đã đưa ra một cách thức mới, góp thêm vào hệ thống các phương pháp đã và đang áp dụng hiện nay trong phân tích dự báo các yếu tố tác động tới thu từ dầu khí, giúp cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và điều hành ngân sách nhà nước tham khảo để có thể có các quyết định hợp lý và có hiệu quả.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM.....	3
1. Đặc điểm của ngành dầu khí.....	3
<i>1.1. Khái niệm.....</i>	<i>3</i>
2. Đặc điểm	3
<i>2.1. Dầu khí nguồn tài nguyên không thể tái tạo.....</i>	<i>3</i>
<i>2.2. Hoạt động dầu khí mang đầy tính tự do, mạo hiểm nhưng thu được lợi nhuận cao.....</i>	<i>4</i>
<i>2.3. Dầu khí ngành công nghiệp có nhu cầu vốn đầu tư rất lớn.....</i>	<i>5</i>
<i>2.4. Dầu khí, ngành công nghiệp công nghệ cao</i>	<i>6</i>
<i>2.5. Dầu khí, ngành công nghiệp mang tính quốc tế cao</i>	<i>7</i>

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

2.6. Giá dầu thô và các sản phẩm dầu khí luôn biến động.....	9
3. Quá trình hình thành và phát triển của ngành dầu khí Việt Nam ..	12
4. Vai trò của ngành dầu khí Việt Nam.....	20
4.1. Phát triển nhiều ngành công nghiệp mới	20
4.2. Tiềm năng tài nguyên quý hiếm	22
4.3. Mang lại nguồn ngoại tệ lớn nhờ xuất khẩu.....	23
4.4. Là nguồn thu lớn của ngân sách Nhà nước.....	24
4.5. Góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, tăng phúc lợi xã hội.....	25
PHẦN II: VAI TRÒ CỦA NGÀNH DẦU KHÍ ĐỐI VỚI TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA NGÀNH DẦU KHÍ VIỆT NAM.....	26
1. Dầu khí và vấn đề tăng trưởng kinh tế.....	26
2. Dầu khí và vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế đất nước	26
3. Dầu khí với việc giải quyết vấn đề xã hội.....	27
4. Tạo quỹ môi trường bảo vệ và phát triển rừng qua xăng dầu.....	28
PHẦN III: NHỮNG YẾU TỐ CHI PHỐI GIÁ DẦU TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY	35
PHẦN IV: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LUẬT DẦU KHÍ	40
PHẦN V: CƠ SỞ LÝ THUYẾT XÂY DỰNG MÔ HÌNH KINH TẾ LƯỢNG THU TỪ DẦU THÔ	42
PHẦN VI: PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU.....	45
1. Mô hình	45
2. Mô tả số liệu.....	45

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp

3. Kết quả ước lượng.....	46
4. Kiểm định các khuyết tật của mô hình.....	47
5. Kiểm tra khả năng dự báo của mô hình.....	51
6. Dự báo theo một số phương án giả định	51
7. Nhận xét và kết luận.....	53
KẾT LUẬN.....	54